

Bản tin

THỊ TRƯỜNG SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP

BAN CHỈ ĐẠO BỘ CÔNG THƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

SỐ 5 NĂM 2021

THÁNG 5/2021

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:



Cục Công Thương địa phương



Trung tâm Thông tin
Công nghiệp và Thương mại

Giấy phép xuất bản:

Số 55/GP-XBBT

Cấp ngày 11/8/2020

Ý kiến phản hồi đề nghị liên hệ:

Trung tâm Thông tin

Công nghiệp và Thương mại

Địa chỉ:

Tầng 6 - 655 Phạm Văn Đồng,

Bắc Từ Liêm - Hà Nội

Tel: (024) 37152585

Fax: (024) 37152574

MỤC LỤC

- 2 **TỔNG QUAN**
- THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA**
- 3 Giá nhiều mặt hàng nông, lâm, thủy sản biến động trong tháng 5/2021
- 5 Kỳ vọng vụ tiêu thụ vải thiều năm 2021 đạt kết quả khả quan
- THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU**
- 8 Xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sẽ tăng trưởng khả quan hơn trong những tháng tiếp theo
- 11 xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sang thị trường Trung Quốc phục hồi mạnh
- 14 nhiều tiềm năng xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sang thị trường Nga
- THÔNG TIN SẢN XUẤT - XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI**
- 17 Phú Thọ tăng cường xây dựng thương hiệu nông sản và đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm
- 19 Bộ Công Thương cam kết đồng hành cùng Bắc Giang vượt qua giai đoạn khó khăn
- 20 Chè Shan tuyết Na Hang (tỉnh Tuyên Quang) được bảo hộ chỉ dẫn địa lý
- 20 Australia nhập khẩu 100 tấn vải thiều từ Việt Nam
- THÔNG TIN CHÍNH SÁCH**
- 21 Điều kiện áp dụng thuế suất xuất nhập khẩu ưu đãi theo hiệp định UKVFTA giai đoạn 2021-20220
- 22 Bộ Công Thương khuyến cáo các doanh nghiệp kinh doanh với thị trường Ấn Độ trong bối cảnh dịch COVID-19
- 23 Bộ Công Thương khuyến cáo xuất khẩu lợn sang Campuchia theo đường chính ngạch
- 23 Mỹ khởi xướng điều tra chống bán phá giá mật ong Việt Nam
- THỊ TRƯỜNG NÔNG SẢN THẾ GIỚI**
- 24 Giá một số loại nông sản hạ nhiệt trong tháng 5/2021
- 25 Nhập khẩu nông, lâm, thủy sản vào Thụy Sĩ sẽ tăng nhờ tăng chi tiêu tiêu dùng
- 28 **TIN VẮN**

TỔNG QUAN

Tại thị trường trong nước, các tỉnh trồng vải tại miền Bắc đã bước vào vụ thu hoạch vải thiều sớm. Năm 2021, tổng sản lượng vải thu hoạch của miền Bắc ước đạt 340 nghìn tấn, tăng khoảng 30 nghìn tấn so với năm 2020. Trong bối cảnh dịch bệnh bùng phát, đầu ra của trái vải thiều năm nay dự kiến sẽ gặp nhiều khó khăn. Do đó, ngay từ đầu năm, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cùng với chính quyền các tỉnh đã ban hành kế hoạch xúc tiến tiêu thụ vải và nông sản để chủ động từ khâu sản xuất, xúc tiến thương mại, kết nối tiêu thụ. Trong buổi họp trực tuyến giữa Bộ Công Thương và lãnh đạo tỉnh Bắc Giang ngày 25/5, lãnh đạo Bộ Công Thương đã khẳng định quan điểm, tiêu thụ vải thiều Bắc Giang, Hải Dương, hỗ trợ bà con nông dân, đã, đang và sẽ luôn luôn là ưu tiên số một của Bộ Công Thương. Theo đó, Bộ Công Thương sẽ phối hợp chặt chẽ với địa phương trên tất cả các kênh để bảo đảm tiêu thụ hết sản phẩm cho người nông dân.



Trong khi đó, giá nhiều mặt hàng nông sản như gạo, thủy sản, cà phê hay hạt tiêu có xu hướng tăng do thị trường tiêu thụ có tín hiệu khởi sắc. Ở chiều ngược lại, giá cao su điều chỉnh giảm sau nhiều tháng tăng liên tiếp. Tính đến cuối tháng 5/2021, giá thu mua cao su của Tổng Công ty Cao su Đồng Nai giảm nhẹ 100 đồng/kg (tương đương mức giảm 0,8%) so với tháng trước, đạt 12.900 đồng/kg đối với mủ chén dây khô, 10.700 đồng/kg với mủ đông khô.

Trong lĩnh vực xuất khẩu, hoạt động xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản trong tháng 5/2021 vẫn ghi nhận diễn biến tích cực trong bối cảnh nhu cầu tiêu thụ tại các thị trường chủ lực như Mỹ, EU, Trung Quốc đang có xu hướng tăng trở lại. Kim ngạch xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản trong tháng 5/2021 ước đạt 3,89 tỷ USD, tăng 1,8% so với tháng trước và tăng tới 34,9% so với tháng 5/2020. Tính chung trong 5 tháng đầu năm 2021, tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản ước đạt 17,6 tỷ USD, tăng 27,1% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 13,4% tỷ trọng trên tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa. Trong đó, nhiều mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng cao như gỗ và sản phẩm gỗ tăng 61,3%; cao su tăng 94%; sắn và các sản phẩm từ sắn tăng 27,6%; hạt tiêu tăng 25,1%; rau quả tăng 18%...

MỘT SỐ THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý:

- ▶ Bộ Công Thương khuyến cáo các doanh nghiệp kinh doanh với thị trường Ấn Độ trong bối cảnh dịch Covid-19.
- ▶ Bộ Thương mại Mỹ (DOC) đã có thông báo chính thức khởi xướng điều tra chống bán phá giá (CBPG) đối với sản phẩm mật ong có xuất xứ từ một số nước, trong đó có Việt Nam.
- ▶ Ngày 21/5/2021, Chính phủ ban hành Nghị định 53/2021/NĐ-CP về Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len giai đoạn 2021-2022.

THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA

GIÁ NHIỀU MẶT HÀNG NÔNG, LÂM, THỦY SẢN BIỂN ĐỘNG TRONG THÁNG 5/2021

Trong tháng 5/2021, giá gạo, cà phê, hạt tiêu có xu hướng tăng, trong khi giá nhân điều và cao su lại giảm so với tháng trước. Diễn biến cụ thể như sau:

+ Mặt hàng gạo: Sau khi giảm trong tháng 4, giá lúa gạo tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long trong tháng 5/2021 tăng nhẹ ở một số chủng loại do nguồn cung lúa tươi vụ Đông Xuân hiện còn không nhiều.

Tại An Giang, lúa OM 18 tăng 400 – 600 đồng/kg so với tháng trước, lên mức 6.400 – 6.600 đồng/kg; IR 50404 tăng 200 đồng/kg lên mức 6.100 – 6.300 đồng/kg; Đai thơm 8 giá tăng 100 đồng/kg, đạt 6.400 – 6.500 đồng/kg; OM 5451 tăng 200 đồng/kg và có giá 6.100 – 6.300 đồng/kg; giá nếp vỏ khô dao động từ 6.800 – 7.000 đồng/kg; nếp Long An ổn định ở mức 5.100 – 5.500 đồng/kg; OM 9577, OM 9582 ổn định ở mức 6.050 đồng/kg; OM 6976 giữ giá 6.000 – 6.150 đồng/kg; lúa Nhật 7.500 – 7.600 đồng/kg; nếp vỏ tươi 5.000 – 5.100 đồng/kg; Lúa nàng Hoa 9 ở mức 6.400 đồng/kg.

Tương tự, giá gạo tăng 100 – 300 đồng/kg so với cuối tháng 4/2021, dao động ở mức 8.800-9.000 đồng/kg đối với gạo nguyên liệu IR 504; 10.300 đồng/kg đối với gạo TP IR 504; tấm gạo IR 504 8.700 đồng/kg. Riêng cám vàng tăng 800 đồng/kg lên mức 7.400-7.500 đồng/kg.

Trong tháng 5/2021, giá gạo trắng 5% tấm của Việt Nam duy trì ổn định ở mức giá 490 – 495 USD/tấn do nhu cầu yếu.

+ Mặt hàng hạt tiêu: Trong tháng 5/2021, giá hạt tiêu xô tại các tỉnh Tây Nguyên đã tăng 300 đồng/kg so với cuối tháng trước lên mức 71.000 đồng/kg. Nhu cầu hạt tiêu tại Trung Đông vẫn ổn định

trong khi nhu cầu của Mỹ và châu Âu cũng đã dần trở lại bình thường. Bên cạnh đó, nhu cầu của Trung Quốc bắt đầu sôi động hơn sau kỳ nghỉ lễ kéo dài cũng thúc đẩy nhu cầu tiêu nguyên liệu tăng.

Tuy nhiên, lượng cung cấp từ nông dân và thương lái trong nước vẫn tương đối thấp. Giá tiêu ở mức cao đã kích thích nhiều nhà đầu cơ gia tăng tích trữ bất chấp thị trường trong nước thanh khoản tiền mặt chậm và việc thiếu container vẫn tiếp tục gây khó khăn cho việc vận chuyển các chuyến hàng đến EU và Bắc Mỹ.



+ Mặt hàng cà phê: Tại khu vực Tây Nguyên, giá cà phê nhân xô trong tháng 5/2021 tăng nhẹ 300 đồng/kg so với cuối tháng 4/2021, đạt 33.300 đồng/kg trong ngày 26/5/2021. Giá cà phê trong nước tăng theo xu hướng chung của thị trường thế giới nhờ thành công trong việc tiêm vaccine COVID-19 tại Mỹ và các nước châu Âu đã cho phép hàng quán và ngành du lịch hoạt động trở lại đã giúp cho thị trường cà phê nhận nhịp hơn. Trong khi đó, nhiều dự báo cho thấy Brazil sẽ thu hoạch vụ mùa thấp hơn trong niên vụ 2021/22. Tuy vậy, cản trở lớn nhất đối với các nhà xuất khẩu cà phê hiện nay vẫn là giá cước vận tải đi Mỹ và châu Âu tăng cao trong thời gian qua.

+ Mặt hàng hạt điều: Giá thu mua hạt điều tươi tại thị trường trong nước biến động giảm. Cụ thể, điều khô mua xô tại Bình Phước từ 29.500 đồng/kg của tháng trước, hiện đã giảm xuống 24.000 đồng/kg.

+ Mặt hàng thủy sản: Tính đến cuối tháng 5/2021, giá cá tra thịt trắng loại 1 tại Đồng Tháp tăng nhẹ 200 đồng/kg so với cuối tháng 4/2021 và tăng 700 đồng/kg so với cuối năm 2020.

Giá cá tra nguyên liệu tăng là do thị trường tiêu thụ mặt hàng này có nhiều tín hiệu khởi sắc. Cùng với đó, hoạt động chế biến và xuất khẩu cá tra đã được cải thiện, quản lý chất lượng hàng xuất khẩu ngày càng nghiêm ngặt, cơ cấu sản phẩm đã

thay đổi, tăng số lượng sản phẩm giá trị gia tăng như : sản xuất các sản phẩm chả giò, bọc bột, ốp rau củ, cá viên, cá cắt khúc...

+ Mặt hàng cao su: Giá thu mua cao su của Tổng Công ty Cao su Đồng Nai giảm nhẹ 100 đồng/kg trong tháng 5/2021, đạt 12.900 đồng/kg đối với mũ chén dây khô, 10.700 đồng/kg với mũ đồng khô. Tuy nhiên, so với cuối năm 2020, giá cao su vẫn tăng từ 3-4% tùy từng chủng loại, do kỳ vọng nhu cầu sau khi những dữ liệu kinh tế tích cực của một số nền kinh tế lớn nhất thế giới được công bố, cùng với việc Trung Quốc đang tăng mua cao su để dự trữ nguồn nguyên liệu cho các nhà máy sản xuất.

Tham khảo giá nông, lâm, thủy sản tại thị trường trong nước ngày 26/5/2021

Tên hàng	Ngày 26/5/2021 (đ/kg)	So với ngày 26/4/2021 (%)	So với cuối năm 2020 (%)	So với cùng kỳ năm 2020 (%)
Gạo NL IR 504	9.000	2,3	-7,2	19,2
Gạo thành phẩm IR 504	10.300	1,0	-6,4	17,0
Tấm gạo IR 504	8.700	3,6	-13,0	14,5
Cám vàng	7.500	11,9	10,3	41,5
Cà phê nhân xô tại Tây Nguyên	33.300	0,9	-3,5	4,1
Tiêu đen Tây Nguyên và Nam Bộ	71.000	2,9	31,5	44,9
Sắn lát trữ độ bột 30% tại miền trung Tây Nguyên	2.750		19,6	27,9
Sắn lát trữ độ bột 30% tại Tây Ninh	3.050		10,9	3,4
Cá tra thịt trắng loại 1 tại Đồng Tháp	21.700	0,9	3,3	16,0
Tôm càng xanh tại Đồng Tháp (15 - 25 con/kg)	240.000	0,0	20,0	-14,3
Cá ngừ vằn tại Đà Nẵng	45.000	12,5	-10,0	0,0
Mực ống tại Đà Nẵng (17 - 24 cm/con)	120.000	20,0	20,0	20,0
Tôm sú tại Đà Nẵng (25 - 30 con/kg)	200.000	-9,1	-9,1	-9,1
Tôm chân trắng tại Đà Nẵng (60 con/kg)	120.000	-4,0	0,0	4,3
Giá thu mua cao su của Tổng Công ty Cao su Đồng Nai				
Loại 1 (đ/độ TSC)	370	0,0	6,6	46,8
Loại 2 (đ/độ TSC)	363	0,0	6,8	45,8
Mủ nước tại vườn	40.100	0,0	6,9	48,0
Mủ chén dây khô	12.900	-0,8	3,2	34,4
Mủ đồng khô	10.700	-0,9	3,9	44,6
Mủ dây khô	12.300	-0,8	3,4	36,7
Mủ tận thu	2.800	-12,5	7,7	154,5
Giá thu mua cao su của Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh				
Mủ cao su nước tại vườn (đ/độ TSC)	378		18,1	57,5
Mủ chén, dây khô	17.100		48,7	92,1
Mủ đồng khô	15.500		49,0	93,8
Mủ đồng ướt	12.500		48,8	92,3

Nguồn: Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại tổng hợp

KỶ VỌNG VỤ TIÊU THỤ VÀI THIỀU NĂM 2021 ĐẠT KẾT QUẢ KHẢ QUAN

Từ trung tuần tháng 5/2021, các tỉnh trồng vải tại miền Bắc đã bước vào vụ thu hoạch vải thiều sớm. Năm 2021, tổng sản lượng vải thu hoạch của miền Bắc ước đạt 340 nghìn tấn, tăng khoảng 30 nghìn tấn so với năm 2020. Trong đó, theo tính toán của riêng 3 tỉnh trồng vải lớn nhất miền Bắc là Bắc Giang, Hải Dương và Hưng Yên, tổng sản lượng vải thiều năm 2021 ước đạt khoảng 250 nghìn tấn và thời gian thu hoạch từ tháng 5 đến giữa tháng 7/2021.

Bắc Giang, Hải Dương dự kiến có vụ mùa vải thiều bội thu trong năm 2021

Tại tỉnh Bắc Giang, vụ vải năm nay được dự báo sẽ đạt kết quả tốt với diện tích vải trên địa bàn có tỷ lệ ra hoa, đậu quả đạt khoảng 95%. Tổng diện tích vải thiều trong năm 2021 của toàn tỉnh đạt 28.100 ha, sản lượng ước đạt 180.000 tấn, tăng khoảng 15.000 tấn so với năm 2020. Trong đó, hơn 200 ha vải xuất khẩu sang Nhật Bản với 30 mã vùng; 218 ha xuất khẩu sang Mỹ, châu Âu (EU) với 18 mã vùng và 15.867 ha xuất khẩu sang Trung Quốc - 149 mã vùng. Toàn tỉnh có 15,2 nghìn ha vải sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP và 338 ha vải sản xuất theo tiêu chuẩn GlobalGAP. Dự báo thời gian thu hoạch vải sớm từ ngày 20/5 đến hết ngày 10/6, vải thiều chính vụ từ ngày 10/6 - 20/7. Năm nay, toàn tỉnh có hơn 6 nghìn ha vải thiều sớm, sản lượng ước đạt hơn 45 nghìn tấn. Theo dự kiến trong 26/5/2021, lô vải sớm đầu tiên của địa phương sẽ được xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản. Riêng huyện Lục Ngạn hiện có 15,45 nghìn ha vải thiều, tăng 160 ha so với năm 2020, sản lượng ước đạt hơn 120 nghìn tấn. Trong đó vải chín sớm khoảng 30 nghìn tấn.

Tại tỉnh Hải Dương, năm 2021, tỉnh trồng khoảng 10.000 ha vải, tập trung chủ yếu ở huyện Thanh Hà và thành phố Chí Linh. Do thời tiết thuận lợi, nhân dân có kỹ thuật chăm sóc tốt nên vụ vải năm nay

tại Hải Dương cũng có tỷ lệ ra hoa, đậu quả lên tới khoảng 95%. Dự kiến, vụ vải năm nay sẽ cho năng suất cao với sản lượng khoảng 55 nghìn tấn quả và thời gian thu hoạch vải trà sớm sẽ bắt đầu khoảng 10/5/2021. Trong đó, vải thiều tiêu thụ trong nước khoảng 33.000 tấn, chiếm 60% và xuất khẩu khoảng 22.000 tấn, chiếm 40%...Hiện phần lớn diện tích vải của tỉnh đã được cấp mã số vùng trồng và sản xuất theo tiêu chuẩn quốc tế. Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh đã có 1.000 ha vải, nhận được cấp chứng nhận sản xuất theo hướng VietGAP, GlobalGAP.



Hoạt động tiêu thụ vải thiều khó khăn do ảnh hưởng dịch bệnh

Trong bối cảnh dịch bệnh bùng phát, cũng giống như nhiều mặt hàng khác, đầu ra của trái vải thiều năm nay dự kiến sẽ gặp nhiều khó khăn bởi dòng chảy xuất khẩu bị tắc nghẽn, gián đoạn. Trước tình hình này, ngay từ đầu năm, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cùng với chính quyền các tỉnh đã ban hành kế hoạch xúc tiến tiêu thụ vải và nông sản để chủ động từ khâu sản xuất, xúc tiến thương mại, kết nối tiêu thụ. Năm 2021, Bộ Công Thương phối hợp địa phương tổ chức hội nghị kết nối, xúc tiến quả vải thiều với các nhà phân phối, xuất khẩu bằng cả hình thức trực tiếp và trực tuyến.



Trong buổi họp trực tuyến giữa Bộ Công Thương và lãnh đạo tỉnh Bắc Giang ngày 25/5, lãnh đạo Bộ Công Thương đã khẳng định quan điểm, tiêu thụ vải thiều Bắc Giang, Hải Dương, hỗ trợ bà con nông dân, đã, đang và sẽ luôn luôn là ưu tiên số một của Bộ Công Thương. Theo đó, Bộ Công Thương phối hợp chặt chẽ với địa phương trên tất cả các kênh để bảo đảm tiêu thụ hết sản phẩm cho người nông dân. Đặc biệt, các doanh nghiệp xuất khẩu chú ý xây dựng quy trình xuất khẩu theo đường chính ngạch.

Tại Hải Dương, vải thiều là cây nông sản có thế mạnh nên nhiều năm qua, địa phương luôn chú trọng đưa ra chính sách hỗ trợ, vừa phát triển thị trường truyền thống và liên tục mở thêm thị trường mới tiềm năng.

Đối với thị trường nội địa, tỉnh xác định Hà Nội và TP.HCM cùng các tỉnh lân cận sẽ là địa bàn trọng điểm trong tiêu thụ. Do đó, quả vải cùng nhiều nông sản khác đạt tiêu chuẩn được kết nối tiêu thụ trong hệ thống siêu thị lớn Co.opmart, Hapro, MM Mega Market..., các chợ đầu mối, cũng như khơi thông, mở rộng, phát triển các thị trường mới như miền Trung và Tây Nguyên. Đồng thời duy trì các thị trường xuất khẩu truyền thống như Trung

Quốc, Pháp, Malaysia, Philippines, Thái Lan, Mỹ, EU... gắn với đẩy mạnh mở rộng thị trường mới.

Với sự phối hợp của Bộ Công Thương thông qua Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại, quả vải và nông sản của tỉnh Hải Dương lần đầu tiên được bán trên các sàn thương mại điện tử từ ngày 15/5/2021. Để tạo niềm tin cho người tiêu dùng khi mua hàng trên các sàn thương mại điện tử đảm bảo chất lượng, Cục Xúc tiến thương mại đã tổ chức tập huấn cho 50 đơn vị sản xuất, kinh doanh vải thiều áp dụng thí điểm hệ thống truy xuất nguồn gốc. Với thị trường quốc tế, doanh nghiệp cung ứng vải và nông sản Hải Dương cũng sẽ được kết nối giao thương trực tuyến với 300 đầu mối nhập khẩu tiềm năng.

Trong khi đó, tại Bắc Giang, hoạt động sản xuất và tiêu thụ loại quả đặc sản này đang đứng trước rất nhiều khó khăn trong bối cảnh Bắc Giang đang là một trong những tâm dịch Covid-19 của cả nước. Hiện các cơ quan quản lý và chính quyền toàn tỉnh đang nỗ lực trong việc triển khai đồng loạt các phương án tiêu thụ vải thiều.

Trong Hội nghị trực tuyến giữa Bộ Công Thương và lãnh đạo tỉnh Bắc Giang, Bộ Công Thương đã cam kết hỗ trợ, tạo

điều kiện tối đa cho người nông dân, doanh nghiệp tỉnh Bắc Giang về tiêu thụ nông sản, kết nối cung ứng hàng hóa thiết yếu trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn ra phức tạp.

Trong năm 2021, thị trường nội địa tiếp tục là thị trường chủ lực của tỉnh, với mức tiêu thụ dự kiến đạt từ 40 - 50% tổng sản lượng vải thiều của tỉnh. Để đẩy mạnh tiêu thụ vải ở thị trường nội địa, Bắc Giang đã thực hiện nhiều biện pháp quảng bá sản phẩm ngay từ khi vải chưa được thu hoạch, như phối hợp với Cục Xúc tiến thương mại, Vụ Thị trường trong nước (Bộ Công Thương), các tập đoàn phân phối, hệ thống bán lẻ, chợ đầu mối, doanh nghiệp, thương nhân trong nước để trao đổi thông tin về mùa vụ, các điều kiện tiêu thụ vải. Thành lập chuyên trang về vải thiều Bắc Giang để quảng bá và tiêu thụ vải thiều sâu rộng tại thị trường trong nước.

Đối với hoạt động xuất khẩu, Bắc Giang dự kiến sẽ xuất khẩu 45 nghìn tấn vải thiều sang Trung Quốc – thị trường xuất khẩu vải lớn nhất của toàn tỉnh. Hiện các cơ quan chức năng đang tạo điều kiện thuận lợi nhất giúp thông quan quả vải thiều (vải được ưu tiên qua luồng xanh đi trước, sau khi vải thông quan hết mới đến các hàng hóa khác làm thủ tục). Trước tình hình dịch Covid-19 diễn biến rất phức tạp, Sở Công Thương tỉnh Bắc Giang đã thành lập 2 tổ hỗ trợ xuất khẩu vải thiều tại cửa khẩu tỉnh Lào Cai và Lạng Sơn. Theo đó, hai tổ này thường trực có mặt tại cửa khẩu tại tỉnh Lào Cai và Lạng Sơn để nắm bắt và xử lý tại chỗ những vấn đề khó khăn, vướng mắc nảy sinh trong quá trình vận chuyển, lưu thông và xuất khẩu vải qua các cửa khẩu.

Để phục vụ quá trình vận chuyển thông thương được thuận lợi, UBND tỉnh Bắc Giang mới đây đã giao Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với Sở Y tế và Sở Công Thương hướng dẫn các huyện, TP thực

hiện cấp giấy xác nhận lô hàng vải thiều an toàn dịch bệnh Covid-19. Đồng thời, Sở Nông nghiệp và PTNT cũng triển khai chuẩn bị mẫu xác nhận các lô vải sản xuất an toàn chất lượng (VietGAP, GlobalGAP) với các tiêu chí, tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể, phục vụ cho cả thị trường trong nước và xuất khẩu.

Bên cạnh hình thức tiêu thụ trực tiếp, UBND tỉnh Bắc Giang còn yêu cầu tập trung cao cho hình thức tiêu thụ, chào bán sản phẩm vải thiều trên các sàn thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng online. Hiện toàn tỉnh đã có 15 doanh nghiệp, hợp tác xã được hỗ trợ ứng dụng các công nghệ mới trong TMĐT, hỗ trợ quá trình chuyển đổi số năm 2021.

Với sự nỗ lực của các doanh nghiệp, sự phối hợp chặt chẽ của chính quyền địa phương và sự vào cuộc của các cơ quan quản lý, kỳ vọng vụ tiêu thụ vải thiều năm 2021 sẽ an toàn, được giá, đạt nhiều thắng lợi và tăng trưởng khả quan so với năm trước.



XUẤT KHẨU NÔNG, LÂM, THỦY SẢN SẼ TĂNG TRƯỞNG KHẢ QUAN HƠN TRONG NHỮNG THÁNG TIẾP THEO

Trong tháng 5/2021, mặc dù vẫn gặp khó khăn trước diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 và các chi phí lưu kho, logistic liên tục tăng, nhưng nhìn chung hoạt động xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản vẫn ghi nhận diễn biến tích cực trong bối cảnh nhu cầu tiêu thụ tại các thị trường chủ lực như Mỹ, EU, Trung Quốc đang có xu hướng tăng trở lại nhờ kinh tế dần hồi phục sau khi các biện pháp hạn chế và phong tỏa tại nhiều quốc gia đã được nới lỏng. Theo số liệu ước tính, kim ngạch xuất khẩu 10 mặt hàng chủ lực thuộc nhóm nông, lâm, thủy sản (gồm: thủy sản, hạt tiêu, hạt điều, chè, gạo, cà phê, sắn và sản phẩm sắn, cao su, rau quả, gỗ và sản phẩm gỗ) trong tháng 5/2021 đạt 3,89 tỷ USD, tăng 1,8% so với tháng trước và tăng tới 34,9% so với tháng 5/2020. Nếu so với tháng trước, ngoại trừ kim ngạch xuất khẩu hạt tiêu, gạo và rau quả giảm nhẹ dưới 5%, các mặt hàng còn lại đều tăng trưởng. Trong đó, tăng mạnh nhất tiếp tục là cao su và hạt điều với mức tăng lên tới 26,1% và 18,2%.

Tính chung trong 5 tháng đầu năm 2021, tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản ước đạt 17,6 tỷ USD, tăng 27,1% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 13,4% tỷ trọng trên tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa. Trong đó, nhiều mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng cao như gỗ và sản phẩm gỗ tăng 61,3%; cao su tăng 94%; sắn và các sản phẩm từ sắn tăng 27,6%; hạt tiêu tăng 25,1%; rau quả tăng 18%...

Trong những tháng tiếp theo, dự kiến tốc độ tăng trưởng của xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sẽ cải thiện rõ nét hơn trong bối cảnh kinh tế thế giới đang có xu hướng hồi phục trở lại kéo theo nhu cầu tiêu thụ được đẩy mạnh. Ngoài ra, nhiều loại trái cây chủ lực đang chuẩn bị bước vào giai đoạn thu hoạch cao điểm, trong khi nhiều mặt hàng nông sản tiếp tục được lợi về giá xuất khẩu như hạt tiêu, gạo hay cao su cũng sẽ là những yếu tố làm tăng kim ngạch xuất khẩu. Bên cạnh đó, các FTA thế hệ mới mà Việt Nam đã ký kết như CPTPP, EVFTA hay mới đây nhất là UKVFTA sẽ tiếp tục là "đòn bẩy" quan trọng hỗ trợ hoạt động xuất khẩu của nhóm hàng này trong thời gian tới.

Mặc dù vậy, yếu tố quan trọng, khó lường và đem lại nhiều rủi ro nhất tới hoạt động xuất khẩu nói chung và xuất khẩu nông, lâm, thủy sản nói riêng vẫn là diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 trong nước cũng như trên thế giới.



Ước tính xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản trong tháng 5 và 5 tháng năm 2021 (Lượng: Nghìn tấn; Trị giá: Triệu USD)

Mặt hàng chủ yếu	Năm 2021				So sánh (%)			
	Ước tính tháng 5		Ước tính 5 tháng		Tháng 5/2021 so với Tháng 4/2021		5 tháng/2021 so với 5 tháng/2020	
	Lượng	Kim ngạch	Lượng	Kim ngạch	Lượng	Kim ngạch	Lượng	Kim ngạch
Tổng kim ngạch xuất khẩu		26.000		130.941		-2,1		30,7
Nhóm nông, lâm, thủy sản		3.892		17.593		1,8		27,1
Tỷ trọng (%)		15,0		13,4				
Thủy sản		750		3.236		0,0		12,0
Rau quả		400		1.770		-1,2		18,0
Hạt điều	55	339	216	1.288	13,4	18,2	18,3	4,9
Cà phê	135	248	720	1.303	2,2	0,7	-11,4	-5,0
Chè	12	19	49	78	10,6	8,6	6,5	10,0
Hạt tiêu	30	102	124	386	-6,9	-3,1	-15,6	25,1
Gạo	750	406	2.723	1.478	-4,1	-4,3	-11,3	-0,8
Sắn và các sp từ sắn	220	89	1.411	533	2,7	10,6	15,6	27,6
- Sắn	82	33	582	160	-22,9	15,4	65,1	106,2
Cao su	80	139	548	923	29,0	26,1	58,7	94,0
Gỗ và sản phẩm gỗ		1.400		6.598		0,1		61,3
- Sản phẩm gỗ		1.080		5.101		1,7		79,4

Nguồn: Số liệu ước tính Liên bộ gồm: Bộ Kế hoạch & Đầu tư, Bộ Công Thương, Ngân hàng Nhà nước, Tổng cục Thống kê và Tổng cục Hải quan

Điểm sáng nhất trong bức tranh xuất khẩu nông, lâm, thủy sản trong 5 tháng qua là mặt hàng cao su với sự bứt phá cả về lượng và đơn giá, đưa kim ngạch xuất khẩu tăng gần gấp đôi so với cùng kỳ năm trước. Trong 5 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu cao su ước tính đạt 548 nghìn tấn, trị giá 923 triệu USD, tăng 58,7% về lượng và tăng 94% về kim ngạch so với cùng kỳ năm trước. Giá cao su xuất khẩu bình quân trong tháng 5/2021 ước tăng 44,6% so với tháng 5/2020 lên 1.738 USD/tấn, đưa giá xuất khẩu cao su bình quân trong 5 tháng đầu năm 2021 lên 1.684 USD/tấn, tăng 22,3% so với cùng kỳ năm trước.

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, riêng trong 4 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu cao su của Việt Nam đạt 468,2 nghìn tấn, trị giá 784,4 triệu USD, tăng mạnh 72,9% về lượng và tăng 103,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Giá xuất khẩu cao su bình quân trong 4 tháng đầu năm 2021 cũng tăng 17,5% (tăng 249 USD/tấn) so với cùng kỳ năm 2020, đạt

1.675 USD/tấn. Trong đó, Trung Quốc là thị trường xuất khẩu cao su lớn nhất với khối lượng đạt 323,6 nghìn tấn, trị giá 518,83 triệu USD, tăng 89,6% về lượng và tăng 119,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Thị trường này chiếm tới 69% tổng khối lượng cao su xuất khẩu của Việt Nam trong 4 tháng đầu năm 2021. Ngoài ra, lượng cao su xuất khẩu sang các thị trường châu Âu, Mỹ, Hàn Quốc cũng tăng cao so với cùng kỳ năm 2020 như: Mỹ tăng 60,5%, Hàn Quốc tăng 29,7%, Đức tăng 45,6%; Italia tăng 79,5%... Bên cạnh đó, mặc dù đang đối mặt với sự bùng phát mạnh mẽ của dịch Covid-19, nhưng xuất khẩu cao su sang Ấn Độ vẫn ghi nhận mức tăng tới 58,2% về lượng và là thị trường xuất khẩu cao su lớn thứ 2 của Việt Nam, chỉ sau Trung Quốc.

Trong thời gian tới, dự báo xuất khẩu cao su sẽ tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao khi nguồn cung được bổ sung từ vụ thu hoạch mới cộng với xu hướng phục hồi của các nền kinh tế lớn là Mỹ,

Trung Quốc và EU sẽ thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ cao su toàn cầu. Bên cạnh đó, giá cao su thiên nhiên trên thị trường thế giới tiếp tục được hỗ trợ nhờ nhiều yếu tố thuận lợi cơ bản, đặc biệt là nguồn cung

toàn cầu vẫn còn ở mức thấp. Theo Tổ chức Nghiên cứu cao su quốc tế (IRSG), mức tăng tiêu thụ toàn cầu đối với cao su thiên nhiên và cao su tổng hợp trong năm 2021 sẽ lần lượt là 7% và 7,2%.

Một số thị trường xuất khẩu cao su chủ lực trong 4 tháng đầu năm 2021

(ĐVT: Lượng: tấn; Trị giá: nghìn USD)

Thị trường	Tháng 4/2021		So với tháng 3/2021 (%)		So với tháng 4/2020 (%)		4 tháng năm 2021		So với 4 tháng năm 2020 (%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Trung Quốc	33.438	55.750	-54,2	-54,1	20,0	66,1	323.597	518.826	89,6	119,2
Ấn Độ	3.944	7.424	-52,0	-52,3	237,4	334,7	24.392	44.445	58,2	90,1
Hàn Quốc	2.733	5.345	-19,2	-20,0	33,9	76,6	12.641	24.211	29,7	56,9
Mỹ	1.156	2.168	-70,0	-70,2	-2,6	23,7	12.427	21.943	60,5	94,4
Thổ Nhĩ Kỳ	2.840	5.544	15,8	14,4	165,2	268,2	9.617	18.336	37,9	66,9
Đức	1.630	3.218	-36,5	-34,4	41,2	81,8	9.499	17.998	46,5	83,0
Đài Loan	2.838	5.303	17,6	19,2	192,6	291,9	9.374	17.066	38,4	68,0

(Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan)

Trong khi đó, tiếp nối xu hướng tăng trưởng trong năm 2020, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong 5 tháng đầu năm 2021 vẫn giữ được đà tăng trưởng mạnh với mức tăng lên tới 61,3% so với cùng kỳ năm trước, ước đạt gần 6,6 tỷ USD, chiếm 37,5% tỷ trọng trên tổng kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam, cao hơn nhiều so với mức tỷ trọng chiếm 29,6% cùng kỳ năm trước. Trong đó, các thị trường xuất khẩu lớn nhất của gỗ và sản phẩm gỗ là Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc, EU và Hàn Quốc, chiếm khoảng 90% tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này. Nguyên nhân chính khiến xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tăng tốc trong thời gian qua là nhờ các doanh nghiệp nắm bắt tốt thị hiếu của người tiêu dùng ở các thị trường cộng với nguồn nguyên liệu trong nước ổn định giúp doanh nghiệp chủ động sản xuất khi có các đơn hàng được ký kết với đối tác nhập khẩu. Ngoài ra, với các FTA mà Việt Nam đã ký kết, trong đó có Hiệp định VPA/FLEGT là những động lực chính giúp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm đồ gỗ của Việt Nam trên thị trường quốc tế.

Ở chiều ngược lại, cà phê là mặt hàng có mức giảm mạnh nhất về kim ngạch xuất khẩu trong nhóm. Trong tháng 5/2021,



xuất khẩu cà phê đạt 135 nghìn tấn, trị giá 248 triệu USD, tăng 2,2% về lượng và tăng 0,7% về trị giá so với tháng trước, nâng tổng lượng cà phê xuất khẩu trong 5 tháng đầu năm 2021 lên 720 nghìn tấn, trị giá 1,3 tỷ USD, giảm 11,4% về lượng và giảm 5% về trị giá so với cùng kỳ năm trước.

Trong 5 tháng qua, xuất khẩu cà phê giảm do nhiều cửa hàng cà phê ở Mỹ, châu Âu và một số quốc gia Trung Á đã đóng cửa, khiến nhu cầu tiêu dùng cà phê nhân xô giảm mạnh, trong khi những người dân ở nhà sẽ có xu hướng sử dụng cà phê hòa tan nhiều hơn. Vì vậy, xuất khẩu cà phê dạng thô trong những tháng đầu năm nay giảm rõ rệt, trong khi xuất khẩu cà phê chế biến lại tăng. Bên cạnh đó, tình trạng thiếu hụt container trầm trọng trên

toàn cầu và và giao dịch thương mại bị chậm lại trước sự cố ùn tắc tại kênh đào Suez vào tuần cuối tháng 3/2021 cũng góp phần khiến hoạt động xuất cà phê chậm lại và đẩy giá cà phê tăng cao. Giá cà phê xuất khẩu trung bình của Việt Nam 5 tháng đầu năm 2021 đạt 1.810 USD/tấn, tăng 7,3% so với cùng kỳ năm 2020.

Trong những tháng tới, dự báo hoạt động xuất khẩu cà phê của Việt Nam sẽ cải thiện hơn trong bối cảnh nhu cầu tiêu

thụ cà phê toàn cầu đang có xu hướng gia tăng trước sự hồi phục của kinh tế thế giới, đặc biệt là tại những đối tác xuất khẩu cà phê hàng đầu như Mỹ và EU. Trong báo cáo mới nhất, tổ chức cà phê thế giới (ICO) đã điều chỉnh giảm sản lượng cà phê toàn cầu vụ 2020/21 từ 171,89 triệu bao (60kg/bao) xuống còn 169,63 triệu bao. Nhu cầu tiêu thụ cà phê thế giới niên vụ 2020/21 được dự báo 166,34 triệu bao, tăng 1,3% so với niên vụ trước.

Một số thị trường xuất khẩu cà phê chủ lực trong 4 tháng đầu năm 2021

(ĐVT: Lượng: tấn; Trị giá: nghìn USD)

Thị trường	4 tháng đầu năm 2021		So với cùng kỳ năm 2020 (%)		Tháng 4/2021		So với tháng 3/2021 (%)		So với tháng 4/2020 (%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
EU	200.389	352.872	-32,0	-24,6	48.191	84.652	-14,7	-16,4	-35,9	-27,4
Mỹ	40.888	79.552	-27,4	-22,0	10.743	21.459	-14,6	-10,2	-39,2	-31,4
Nhật Bản	39.801	75.711	6,2	14,0	7.538	15.988	-40,8	-32,7	-5,7	13,1
Nga	26.372	51.176	-14,7	-10,8	7.840	15.259	36,0	29,5	-19,1	-11,1
Trung Quốc	19.783	42.030	73,5	57,5	4.477	11.042	-21,5	-16,3	36,8	23,0
Philippin	19.567	48.093	-20,0	-9,2	6.772	15.609	17,5	3,2	35,6	31,9

(Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan)

XUẤT KHẨU NÔNG, LÂM, THỦY SẢN SANG THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC PHỤC HỒI MẠNH

Hiện nay, Trung Quốc là thị trường xuất khẩu nông, lâm, thủy sản quan trọng Việt Nam, đứng thứ 2 về kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này của nước ta.

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc sau khi gặp khó khăn và sụt giảm trong năm 2020 đã bật tăng trở lại trong 4 tháng đầu năm 2021, với kim ngạch đạt 2,98 tỷ USD, tăng 31,6% so với cùng kỳ năm 2020.

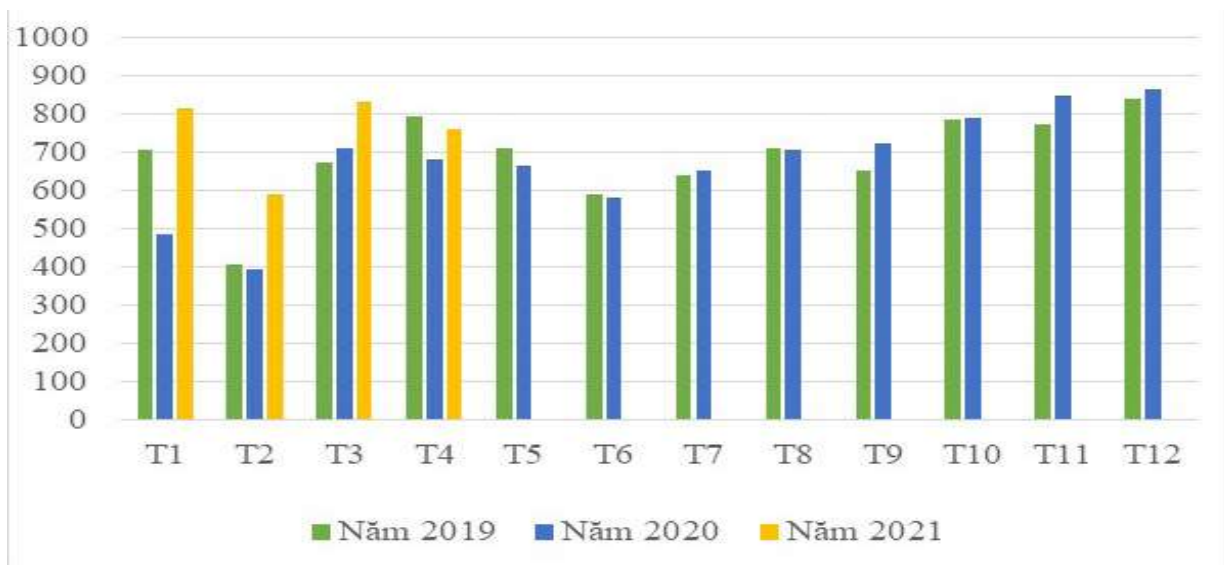
Với quy mô dân số gần 1,5 tỷ người, chiếm 18,7% tổng dân số toàn thế giới, nhu cầu nhập khẩu các sản phẩm nông, lâm, thủy sản của thị trường Trung Quốc phục vụ nhu cầu tiêu dùng nội địa cũng như sản xuất chế biến hàng xuất khẩu là rất lớn và đa dạng, phong phú. Điều này cho thấy, với lợi thế về địa lý sẵn có, nếu

đáp ứng tốt các yêu cầu liên quan, Trung Quốc vẫn là thị trường đầy tiềm năng cho xuất khẩu nông sản của Việt Nam.

Trong khi đó, việc kinh tế Trung Quốc phục hồi mạnh trở lại sau đại dịch COVID-19 đã thúc đẩy nhu cầu tiêu dùng của thị trường này trong những tháng đầu năm nay. Đây là cơ hội để Việt Nam tiếp tục đẩy mạnh xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản sang thị trường Trung Quốc trong thời gian tới.



Kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam tới thị trường Trung Quốc năm 2019-2021 (ĐVT: triệu USD)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong 4 tháng đầu năm 2021, kim ngạch xuất khẩu hầu hết các mặt hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc đều tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2020.

Trong đó, rau quả là mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc với kim ngạch đạt 866,19 triệu USD, tăng 16,3% so với cùng kỳ năm 2020.

Ngoài ra, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc cũng tăng mạnh 17,1%, sắn và sản phẩm sắn tăng 27%, gạo tăng 22,8%.

Đặc biệt, kim ngạch xuất khẩu cao su, hạt điều và chè của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc ghi nhận mức tăng trưởng cao hơn 100% so với cùng kỳ năm 2020.

Xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc trong 4 tháng năm 2021

Tên hàng	4 tháng năm 2021		So với 4 tháng năm 2020 (%)		Tỷ trọng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	4T/2021	4T/2020
Tổng kim ngạch		2.977.670		31,6	100,0	100,0
Hàng rau quả		866.193		16,3	29,1	32,9
Gỗ và sản phẩm gỗ		526.699		17,1	17,7	19,9
Cao su	323.597	518.826	89,6	119,2	17,4	10,5
Sắn và các sản phẩm từ sắn	1.111.447	412.298	15,9	27,0	13,8	14,3
Hàng thủy sản		253.361		2,9	8,5	10,9
Gạo	369.161	194.121	35,0	22,8	6,5	7,0
Hạt điều	21.961	158.847	104,9	115,0	5,3	3,3
Cà phê	19.783	42.030	73,5	57,5	1,4	1,2
Chè	3.517	5.295	175,2	151,9	0,2	0,1

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Hàng rau quả:

Trong 4 tháng đầu năm nay, do tình hình dịch COVID-19 được kiểm soát tốt nên cơ cấu các mặt hàng rau quả xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc cũng có sự thay đổi.

Theo đó, kim ngạch xuất khẩu trái cây tươi của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc trong 4 tháng đầu năm 2021 đạt 807,03 triệu USD, tăng 21,7% so với cùng kỳ năm ngoái. Đáng chú ý, tăng trưởng được ghi nhận ở hầu hết các mặt hàng trái cây như thanh long, xoài, chuối...



Trong khi đó, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm chế biến và nhóm hàng rau củ của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc lại giảm 15% và 75,8% trong 4 tháng đầu năm 2021.

Một số mặt hàng rau quả và sản phẩm chế biến từ rau quả xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc trong 4 tháng năm 2021

Tên hàng	4 tháng năm 2021 (nghìn USD)	So với 4 tháng năm 2020 (%)
Trái cây	807.031	21,7
Thanh long	415.482	7,8
Xoài	135.639	35,4
Chuối	116.839	58,3
Mít	75.344	58,9
Dứa hấu	44.275	47,4
Dứa	12.730	80,1
Nhãn	5.026	-57,1
SPCB	54.148	-15,0
Ốt	11.179	-32,3
Hạnh nhân	8.081	121,1
Mít	6.785	114,1
Chanh leo	6.504	62,5
Xoài	5.570	-66,3
Trái cây	4.404	-17,9
Hạt dẻ cười	3.258	-50,5
Dứa	2.068	298,1
Dứa chuột	1.148	140,3
Rau củ	5.629	-75,8
ớt	4.506	-67,1
Đỗ đỏ	511	98,1
Hoa	1.714	233,7
Hoa cúc	1.668	227,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Mặt hàng gạo:

Chiếm 85% tổng khối lượng gạo xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc trong 4 tháng đầu năm 2021 là mặt hàng gạo nếp, với khối lượng đạt 312,23 nghìn tấn, tăng 23,8% so với cùng kỳ năm 2020.

Đáng chú ý, lượng gạo thơm và gạo giống Nhật xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc trong 4 tháng đầu năm 2021 tăng mạnh 313,7% và 270,2% so với cùng kỳ năm 2020.

Sản xuất lúa gạo của Trung Quốc những năm qua liên tiếp được mùa, dự

trở ở mức cao và tỷ lệ tự cung tự cấp loại lương thực này thậm chí vượt nhu cầu trong nước. Tuy nhiên, nhập khẩu gạo của nước này vẫn duy trì ở mức cao do sự đa dạng nhu cầu của người tiêu dùng. Cùng với nhập khẩu gạo chất lượng thì giá quốc tế thấp hơn giá trong nước cũng là một

yếu tố thúc đẩy nhập khẩu gạo của Trung Quốc. Ngoài ra, việc giá ngô tăng nhanh trong thời gian qua, để giảm giá thành, các công ty thức ăn chăn nuôi Trung Quốc đã tăng nhập khẩu lúa gạo, lúa mì để thay thế ngô làm thức ăn chăn nuôi.

Chủng loại gạo xuất khẩu của Việt Nam thị trường Trung Quốc 4 tháng đầu năm 2021

Chủng loại	4 tháng năm 2021			So với 4 tháng năm 2020 (%)		
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Giá XKBQ (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá XKBQ
Gạo nếp	312.232	159.192	510	23,8	7,5	-13,2
Gạo thơm	39.532	25.421	643	313,7	427,2	27,4
Gạo trắng	14.382	7.891	549	1,8	20,1	17,9
Gạo giống Nhật	2.893	1.542	533	270,2	306,9	9,9
Gạo lứt, gạo hữu cơ...	97	63	650			

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

NHIỀU TIỀM NĂNG XUẤT KHẨU NÔNG, LÂM, THỦY SẢN SANG THỊ TRƯỜNG NGA

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Nga trong 4 tháng đầu năm 2021 tăng khá mạnh 15,6% so với cùng kỳ năm 2020, đạt 169,66 triệu USD.

Hiện nay, Việt Nam là đối tác ký Hiệp định thương mại tự do đầu tiên với khối Liên minh kinh tế Á - Âu (EAEU gồm 5 nước: Nga, Belarus, Kazakhstan, Armenia và Kyrgyzstan) với tỷ lệ gần 90% dòng thuế được cắt, giảm thuế quan nhập khẩu, trong đó, 59,3% được xóa bỏ. Đây là cơ hội lớn đối với doanh nghiệp xuất khẩu hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam vào thị trường Nga.

Trong khi đó, tiêu chuẩn hàng hóa không khắt khe như EU và Mỹ, người dân chuộng sản phẩm tiêu dùng từ châu Á, trong đó có Việt Nam, Nga đang là thị trường hướng đến của không ít doanh nghiệp trong nước.

Trong 4 tháng đầu năm nay, thủy sản là mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam sang thị trường Nga,

với kim ngạch đạt 54,9 triệu USD, tăng 44,2% so với cùng kỳ năm 2020.

Ngoài ra, kim ngạch xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam sang thị trường Nga cũng tăng mạnh 32,4%, hạt điều tăng 33,9%, cao su tăng 184,6%...

Ngược lại, kim ngạch xuất khẩu cà phê và chè sang thị trường Nga giảm gần 11% so với cùng kỳ năm 2020.



Xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Nga trong 4 tháng năm 2021 (ĐVT: Lượng: nghìn tấn; Kim ngạch: nghìn USD)

Tên hàng	4 tháng năm 2021		So với 4 tháng năm 2020 (%)		Tỷ trọng (%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	4T/2021	4T/2020
Tổng kim ngạch		169.664		15,9	100,0	100,0
Hàng thủy sản		54.889		44,2	32,4	26,0
Cà phê	26.372	51.176	-14,7	-10,8	30,2	39,2
Hàng rau quả		26.233		32,4	15,5	13,5
Hạt điều	3.099	16.492	63,6	33,9	9,7	8,4
Chè	4.465	7.017	-12,2	-10,9	4,1	5,4
Cao su	3.097	6.109	110,8	184,6	3,6	1,5
Hạt tiêu	1.469	4.725	-30,5	11,5	2,8	2,9
Gỗ và sản phẩm gỗ		2.605		-5,1	1,5	1,9
Gạo	591	417	-86,2	-76,8	0,2	1,2

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Hàng thủy sản:

Trong 4 tháng đầu năm 2021, cá tra, basa là mặt hàng thủy sản có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam sang thị trường Nga với kim ngạch đạt 12,9 triệu USD, tăng 88,8% so với cùng kỳ năm 2020.

Ngoài ra, kim ngạch xuất khẩu nhiều mặt hàng thủy sản sang thị trường Nga như Surimi, cá khô, tôm cá ngừ... đều tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2020.

Về cá tra xuất khẩu sang thị trường Nga, sau nhiều năm xuất khẩu gián đoạn thì bước sang đầu năm nay đã có nhiều tích cực.

Theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP), Nga vốn là thị trường xuất khẩu truyền thống của cá tra Việt Nam. Tuy nhiên, xuất khẩu sang

thị trường này không ổn định do chính sách nhập khẩu của nước này khác biệt so với các thị trường khác. Đầu năm nay, Việt Nam xuất khẩu ba nhóm sản phẩm chính là cá tra phile đông lạnh, cá tra cắt khoanh đông lạnh và giá cá tra nguyên con đông lạnh sang thị trường này.

Nga hiện là một trong những thị trường xuất khẩu cá thịt trắng (cá minh thái) lớn nhất thế giới nhưng cũng là nhà nhập khẩu nhiều sản phẩm cá thịt trắng từ Trung Quốc, Argentina và Việt Nam.

Năm 2020, cá tuyết đông lạnh (HS 030366) chiếm tỷ trọng nhập khẩu lớn nhất trong cơ cấu nhập khẩu sản phẩm cá thịt trắng của Nga, khoảng 41%, tiếp đó là sản phẩm cá tra phile đông lạnh (HS 030462) chiếm 18%, phile cá rô phi đông lạnh (HS 030461) và phile cá tuyết (HS 030474).

Chủng loại thủy sản xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Nga trong 4 tháng đầu năm 2021

Chủng loại	4 tháng năm 2021			So với 4 tháng năm 2020 (%)		
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Giá XK BQ (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá XK BQ
Cá tra, basa	7.748	12.895	1.664	100,8	88,8	-6,0
Surimi	3.922	10.462	2.667	29,8	45,3	12,0
Cá khô	1.546	10.908	7.055	15,7	17,9	1,8
Tôm các loại	1.535	13.947	9.089	54,7	62,5	5,0
Cá ngừ các loại	682	3.559	5.221	8,0	32,3	22,5
Cá đông lạnh	539	2.234	4.146	-16,0	-24,5	-10,1

Chủng loại	4 tháng năm 2021			So với 4 tháng năm 2020 (%)		
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Giá XKBQ (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá XKBQ
Mắm	193	117	606	509,4	62,9	-73,3
Bạch tuộc các loại	124	642	5.188	41,0	46,9	4,2
Mực các loại	17	81	4.704	1.974,7	2.555,8	28,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Hàng rau quả:

Trong 4 tháng đầu năm 2021, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm rau quả chế biến của Việt Nam sang thị trường Nga đạt 18,79 triệu USD, tăng 7,8% so với cùng kỳ năm 2020.

Trong khi đó, kim ngạch xuất khẩu nhóm trái cây sang thị trường này tăng tới 232,3% so với cùng kỳ năm 2020, đạt 6,58 triệu USD. Những mặt hàng trái cây xuất khẩu sang thị trường Nga tăng mạnh có thể kể tới như xoài, chuối, thanh long, chanh leo.

Hiện sản xuất rau quả của Nga vẫn

còn hạn chế, nhất là việc Nga không sản xuất được các loại rau quả vùng nhiệt đới. Trong khi đó, nhu cầu tiêu thụ rau và trái cây của người dân Nga ngày càng tăng cao. Do đó, thị trường này vẫn đang phải nhập khẩu tới 2/3 lượng rau quả tiêu thụ hàng năm.

Theo các chuyên gia, để chiếm lĩnh thị phần cao hơn nữa thị trường rau quả Nga trong thời gian tới, các doanh nghiệp nên thường xuyên cập nhật thông tin về việc thực thi Hiệp định Việt Nam – EAEU. Đồng thời chú trọng đến công tác bảo đảm uy tín và chất lượng sản phẩm trong xuất khẩu sang thị trường này.

Chủng loại rau quả xuất khẩu của Việt Nam thị trường Nga trong 4 tháng đầu năm 2021

Chủng loại	4 tháng năm 2021 (nghìn USD)	So với 4 tháng năm 2020 (%)
Sản phẩm chế biến	18.794	7,8
Dứa	6.539	31,8
Xoài	5.629	16,7
Dứa chuột	2.647	-7,4
Đu đủ	900	64,8
Dừa	878	137,1
Cà chua	759	53,0
Chuối	340	-77,6
Chanh leo	289	34,9
Quả	6.583	232,3
Xoài	2.979	221,6
Chuối	1.473	2.407,2
Thanh long	770	56,4
Chanh leo	369	143,6
Mít	159	1.137,7
Nhãn	135	136,9
Chôm chôm	133	42,7
Dứa	116	383,1
Bưởi	113	2.565,3
Rau củ	707	101,9
Ngô	275	17,0
Sả	228	673,8
Cà rốt	104	629,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

PHÚ THỌ TĂNG CƯỜNG XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU NÔNG SẢN VÀ ĐẨY MẠNH TIÊU THỤ SẢN PHẨM

Những năm gần đây, cùng với việc đầu tư nâng cao chất lượng nông sản, Phú Thọ quan tâm đến việc phát triển nhãn hiệu, thương hiệu cho sản phẩm chủ lực nhằm thúc đẩy tiêu thụ nông sản của địa phương. Việc xây dựng thương hiệu kết hợp quảng bá cho các sản phẩm nông nghiệp của tỉnh Phú Thọ là một trong những hướng đi trọng tâm, phù hợp và mang lại hiệu quả, giúp nâng cao giá trị sản phẩm, tăng sức cạnh tranh trên thị trường.

Tỉnh Phú Thọ có nhiều sản phẩm nông nghiệp đặc trưng như: Bưởi (bưởi đặc sản Đoan Hùng, bưởi Diễn); gạo chất lượng cao J02; thịt chua Thanh Sơn; bánh tai (thị xã Phú Thọ); gạo nếp gà gáy Mỹ Lung (Yên Lập); rau an toàn (Tam Nông); rau an toàn Tứ Xã (Lâm Thao); tương làng Bờ (Thanh Thủy); khoai tắng vàng, chuối phấn vàng (Thanh Sơn); cá lồng sông Đà (Thanh Thủy)...



Toàn tỉnh Phú Thọ hiện có 72 sản phẩm hàng hóa do các hợp tác xã (HTX) sản xuất, trong đó có 42 sản phẩm đăng ký nhãn hiệu, tem truy xuất nguồn gốc, 7 sản phẩm đăng ký nhãn hiệu tập thể. Các sản phẩm có lợi thế được đăng ký phát triển thương hiệu bằng hình thức nhãn hiệu tập thể như: Mỳ gạo Hùng Lô, Thịt chua Thanh Sơn, chè an toàn Long Cốc, bưởi đặc sản Đoan Hùng... Thông qua đó, các sản phẩm đã khẳng định được uy tín, thương hiệu, tham gia vào các chuỗi cung

ứng và tiêu thụ của các nhà hàng, siêu thị lớn, làm tăng giá trị sản phẩm, mang lại nguồn thu nhập ổn định cho HTX và thành viên.

Trong năm 2020, Sở Công Thương tỉnh đã phối hợp với Cục Xúc tiến thương mại (Bộ Công Thương) tổ chức hội nghị kết nối giao thương tại Phú Thọ giữa nhà cung cấp với các doanh nghiệp xuất khẩu để các doanh nghiệp của tỉnh và doanh nghiệp trong khu vực có cơ hội liên kết với các doanh nghiệp phân phối trong cả nước, kết nối với các nhà xuất khẩu đẩy mạnh hoạt động giao thương, xuất khẩu hàng hóa và hội nhập sâu rộng kinh tế quốc tế.

Ngoài ra, Sở Công Thương phối hợp với Vụ Thị trường trong nước (Bộ Công Thương) tổ chức khai trương điểm giới thiệu, trưng bày và bán sản phẩm thuộc chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) tại Phú Thọ. Tại đây, Phú Thọ đã giới thiệu các sản phẩm, gồm: Chè, tương, bánh chưng... đều là những sản phẩm trong kế hoạch OCOP đánh giá xếp hạng trong năm 2020 của tỉnh.

Trên địa bàn tỉnh hiện có 75 làng nghề truyền thống, 503 hợp tác xã, 1.326 tổ hợp tác và một số vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung quy mô lớn phát triển khá toàn diện theo hướng tăng năng suất, nâng cao chất lượng như: Vùng sản xuất cây ăn quả có múi, vùng sản xuất lúa chất lượng cao, vùng sản xuất chè, vùng sản xuất rau an toàn, rau nguyên liệu phục vụ chế biến.

Tăng cường xây dựng thương hiệu chè trên địa bàn tỉnh:

Phú Thọ là vùng đất trung du với nhiều đồi lớn, rất phù hợp để phát triển cây chè. Hiện nay Phú Thọ là một trong những

địa phương có diện tích và sản lượng chè lớn nhất cả nước. Hiện toàn tỉnh có 3,98 nghìn ha chè được chứng nhận sản xuất theo quy trình an toàn; 59 cơ sở chế biến chè có công suất trên 1 tấn búp tươi/ngày; 1.281 cơ sở chế biến chè thủ công, nhỏ lẻ; 15 làng nghề và 8 hợp tác xã sản xuất, chế biến chè. Thương hiệu chè Phú Thọ từng bước được xây dựng, góp phần đưa chè trở thành cây mũi nhọn trong sản xuất nông nghiệp...

Tỉnh Phú Thọ đã có nhiều giải pháp phát triển cây chè theo hướng bền vững, đồng thời có chính sách khuyến khích người dân mở rộng diện tích, trồng giống chè có năng suất, chất lượng, góp phần đưa chè trở thành cây chủ lực trong phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo.

Sau một thời gian triển khai, đến nay, Phú Thọ vươn lên đứng thứ tư về diện tích và thứ ba về sản lượng chè của toàn quốc. Tại đây, đã hình thành nhiều làng nghề, HTX, doanh nghiệp sản xuất, chế biến chè đen, chè xanh bảo đảm chất lượng được thị trường đón nhận.

Tỉnh Phú Thọ đã chú trọng ứng dụng cơ giới hóa vào sản xuất chè, quy hoạch, xây dựng vùng chè an toàn. Các vùng nguyên liệu chế biến chè đen của tỉnh được xuất khẩu sang nhiều nước trên thế giới như Ấn Độ, Trung Quốc, Đức, Anh... Ngoài ra tại Phú Thọ bước đầu hình thành các vùng nguyên liệu phục vụ chế biến chè xanh (trồng bằng các giống LDP1, Kim Tuyên, Phúc Vân Tiên...) tại các huyện: Tân Sơn, Thanh Sơn, Đoan Hùng, Thanh Ba, Phù Ninh, Hạ Hòa.

Ngoài việc tuyên truyền cho người dân về vệ sinh an toàn thực phẩm trong sản xuất thì các lớp tập huấn cũng thường xuyên được tổ chức để hướng dẫn người trồng chè tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn kỹ thuật trồng mới. Một số sản phẩm chè đã được truy xuất nguồn gốc như: Chè Bảo Long, chè Hà Trang, chè Phú Hộ, chè Chùa Tà, chè Yên Kỳ, chè Phú

Thịnh, chè Hoàng Văn, chè Long Cốc...

Nhằm góp phần nâng cao giá trị và sức cạnh tranh cho các sản phẩm chè, tỉnh Phú Thọ đã có nhiều hướng dẫn, hỗ trợ đẩy mạnh việc thực hiện xây dựng, phát triển và bảo vệ thương hiệu chè Phú Thọ.

Hiện nay, ngoài việc quy hoạch các vùng chè an toàn, tỉnh đã xây dựng các mô hình sản xuất chè theo Dự án "Nâng cao chất lượng, an toàn sản phẩm nông nghiệp" (QSEAP) tập trung chủ yếu ở các huyện trọng điểm. Đây là cơ sở cho việc thu hút đầu tư sản xuất chè hàng hóa chất lượng, giá trị cao. Trong đó, chú trọng xây dựng vùng sản xuất nguyên liệu chè an toàn theo hướng hữu cơ, hạn chế sử dụng phân bón vô cơ, hóa chất trừ sâu; áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP), từ khâu sản xuất đến chế biến thành phẩm cuối cùng.

Thời gian tới, tỉnh Phú Thọ tiếp tục thực hiện tái cơ cấu ngành chè theo hướng nâng hiệu quả, phát triển bền vững mối quan hệ giữa sản xuất với chế biến và tiêu thụ sản phẩm; đồng thời, huy động, lồng ghép nguồn kinh phí từ các chương trình, dự án để tập trung phát triển cây chè theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả; tiếp tục sắp xếp các cơ sở chế biến; đổi mới thiết bị, công nghệ, đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao chất lượng bảo đảm an toàn thực phẩm mang lại giá trị cao, nâng thu nhập người sản xuất, kinh doanh và xây dựng thương hiệu chè Phú Thọ.

Bên cạnh việc nâng cao năng suất, chất lượng cây chè, hướng đến xây dựng thương hiệu chè Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ cũng đang chú trọng đưa cây chè vào phát triển du lịch của tỉnh như tạo ra các tuyến du lịch, các điểm dừng chân thăm quan đồi chè. Đồng thời, thông qua các Hội chợ, Triển lãm khu vực, ngành du lịch đã quảng bá rộng rãi sản phẩm chè Phú Thọ.

BỘ CÔNG THƯƠNG CAM KẾT ĐỒNG HÀNH CÙNG BẮC GIANG VƯỢT QUA GIAI ĐOẠN KHÓ KHĂN

Ngày 25/5/2021, Bộ Công Thương tổ chức hội nghị trực tuyến với tỉnh Bắc Giang về kết nối cung cầu, thúc đẩy tiêu thụ nông sản. Bộ trưởng Nguyễn Hồng Diên, Ủy viên Trung ương Đảng chủ trì tại điểm cầu Hà Nội.

Qua thảo luận và các kiến nghị của tỉnh, Bộ trưởng Bộ Công Thương Nguyễn Hồng Diên đã đề ra các giải pháp trọng tâm đồng hành cùng Bắc Giang tiêu thụ vải thiều.

Bộ trưởng Nguyễn Hồng Diên nhấn mạnh, trong bối cảnh tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, các thương nhân Trung Quốc không thể nhập cảnh vào vùng vải để thu mua, Bộ Công Thương sẽ hỗ trợ Bắc Giang tiếp tục chỉ đạo, phối hợp, hỗ trợ địa phương và các doanh nghiệp triển khai ngay các biện pháp bảo đảm nguồn cung lưu thông thông suốt các mặt hàng thiết yếu phục vụ đời sống dân sinh và cung ứng nguyên liệu đầu và tiêu thụ các sản phẩm đầu ra.

Bộ trưởng yêu cầu Cục Xúc tiến thương mại, Vụ Thị trường Châu Á - Châu Phi, Cục Xuất Nhập khẩu, Vụ Thị trường trong nước tham mưu Lãnh đạo Bộ chỉ đạo các sở, ban ngành và các doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ sản xuất, kinh doanh thực hiện hình thức thu mua, tiêu thụ online và nhận hàng tại các cửa khẩu.

Bộ trưởng đề nghị Cục Xuất nhập khẩu phối hợp với các Vụ thị trường nước ngoài làm việc với các Bộ, ngành liên quan đề xuất phương hướng hỗ trợ duy trì các thị trường xuất khẩu truyền thống, xử lý vướng mắc trong quá trình thông quan hàng hóa tại biên giới nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công tác lưu thông hàng hóa, nhất là thị trường Trung Quốc.

Các Vụ thị trường nước ngoài cũng phải khẩn trương huy động tối đa nguồn lực và sự vào cuộc của các Thương vụ nhằm hỗ trợ quảng bá, tiêu thụ sản phẩm của các địa phương trên cả nước nói chung và Bắc Giang nói riêng, đặc biệt quả vải thiều niên vụ 2021. Ngoài các thị

trường truyền thống, các Vụ thị trường nước ngoài cần mở rộng thêm các thị trường khác như thị trường có các loại nông sản ôn đới.

Bộ trưởng yêu cầu Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số phối hợp với Cục Xúc tiến thương mại và Sở Công Thương tỉnh Bắc Giang đẩy mạnh triển khai các hoạt động hỗ trợ địa phương quảng bá, xúc tiến tiêu thụ quả vải thiều qua trên môi trường số, đặc biệt là trên các sàn thương mại điện tử, các phiên giao thương trực tuyến với các thị trường xuất khẩu tiềm năng.

Đồng thời, Bộ trưởng cũng yêu cầu Tổng Cục QLTT tăng cường công tác kiểm tra, tránh tình trạng găm hàng nâng giá và buôn lậu. Đặc biệt, phải có chỉ đạo bằng văn bản đề nghị các địa phương tăng cường nhân lực giúp các địa phương lưu thông hàng hóa. Cục Quản lý thị trường Bắc Giang cũng phải phối hợp chặt chẽ với cơ quan chức năng địa phương và liên hệ thường xuyên, trực tiếp với Tổng cục QLTT để có được những hoạt động kết nối tốt. Kịp thời phát hiện đề xuất với lãnh đạo Bộ để có những chủ trương, giải pháp đúng đắn và hiệu quả.

Về phía tỉnh Bắc Giang, Bộ trưởng đánh giá cao việc Bắc Giang đã rất chú trọng xét nghiệm thường xuyên đối với những người lao động trong các khu công nghiệp, nhất là những nơi đã có những ca dương tính.

Bộ trưởng yêu cầu các đơn vị chức năng trên địa bàn tỉnh khẩn trương xây dựng ngay các kịch bản và cũng đề xuất số lượng cụ thể, danh mục hàng hóa cụ thể, dịch vụ cần thiết, dự báo tình huống xấu hơn thì cần những dịch vụ hàng hóa gì là bao nhiêu. Từ đó, Bộ sẽ có căn cứ để cân đối và kết nối với các địa phương và các doanh nghiệp hỗ trợ kịp thời.

“Bộ Công Thương cam kết sẽ làm hết sức trong chức năng nhiệm vụ của mình để giúp kết nối cung ứng hàng hóa thiết yếu cho Bắc Giang trong mọi hoàn cảnh”, Bộ trưởng Nguyễn Hồng Diên khẳng định.

CHÈ SHAN TUYẾT NA HANG (TỈNH TUYỀN QUANG)

ĐƯỢC BẢO HỘ CHỈ DẪN ĐỊA LÝ

Cục Sở hữu trí tuệ đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý số 00104 cho sản phẩm chè Shan tuyết "Na Hang". Đây là chỉ dẫn địa lý thứ 2 của tỉnh Tuyên Quang được bảo hộ sau chỉ dẫn địa lý cam sành "Hàm Yên".

Chè Shan tuyết Na Hang là một sản phẩm có từ lâu đời và nổi tiếng của huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang. Chè mọc tự nhiên hoặc được bà con trồng quảng canh ở độ cao trung bình từ 800 - 1000m so với mặt nước biển, khí hậu mát mẻ quanh năm, độ ẩm không khí trung bình năm 85% nên chè Shan tuyết có nhiều tuyết trắng. Sản phẩm có màu đen xanh hơi xám bạc, khi pha chè nước có màu xanh sáng, vị chát dịu và rõ hậu ngọt khi uống.

Đặc tính của chè Shan tuyết Na Hang có được không chỉ do tác động của độ cao địa hình, khí hậu, mà còn do đặc điểm thổ nhưỡng và phương pháp sản xuất đặc thù. Cụ thể, giống chè Shan tuyết đưa vào

canh tác tại khu vực địa lý là những cây chè được cơ quan có thẩm quyền tuyển chọn từ cây đầu dòng. Đất trồng tại huyện Na Hang có hàm lượng các chất đa lượng và trung lượng thấp. Hàm lượng các chất đa lượng và trung lượng trong đất trồng chè thấp một phần do khí hậu mát mẻ quanh năm nên quá trình phong hóa của đất chậm lại, và một phần do người dân chỉ sử dụng phân bón hữu cơ, không sử dụng phân bón hóa học. Chất đa và trung lượng trong đất thấp thì cây hấp thu ít, đây là một trong những nguyên nhân không làm tăng hàm lượng chất Tro trong chè Shan tuyết Na Hang (Tro càng thấp thì chè Shan tuyết càng ngon).

Nhờ những yếu tố tự nhiên và kinh nghiệm có được của người dân trồng chè Shan tuyết đã tạo nên sản phẩm có chất lượng, là niềm tự hào của người dân Na Hang nói riêng và tỉnh Tuyên Quang nói chung.

AUSTRALIA NHẬP KHẨU 100 TẤN VÀI THIỀU TỪ VIỆT NAM

Thương vụ Việt Nam tại Australia đã làm việc với các nhà nhập khẩu quả vải để thống nhất thực hiện kế hoạch nhập khoảng 100 tấn quả vải từ Việt Nam sang các bang Nam và Tây Australia. Đối với các bang còn lại, Thương vụ đang tiếp tục kết nối giao thương, căn cứ vào tình hình vận chuyển.

Đồng hành cùng kế hoạch này, Thương vụ sẽ tiếp tục triển khai Chương trình xây dựng thương hiệu và thúc đẩy tiêu thụ quả vải Việt Nam tại Australia năm 2021, với các nội dung cụ thể.

Để hỗ trợ các doanh nghiệp xuất khẩu có thể kết nối giao thương liên tục suốt mùa vải, Thương vụ cử cán bộ trực phối hợp tháo gỡ các khó khăn về thủ tục nhập khẩu tại Australia, đồng thời tiếp tục quảng bá, định hướng người tiêu dùng làm quen với màu quả vải ngả vàng do chiếu xạ. Cơ quan Thương vụ Việt Nam tại Australia sẽ tiến hành đề xuất với các cơ quan của Australia để thúc đẩy việc thông quan được thuận lợi khi vải đến Australia.

Thực hiện quảng cáo kích cầu tại các khu vực tiêu thụ như: quảng cáo trên mạng xã hội, cửa hàng, siêu thị và các kênh thông tin khác; ngoài ra cũng sẽ thực hiện các chương trình mua quả vải Việt Nam trúng thưởng - quảng cáo kép: "mua một sản phẩm nông nghiệp Việt Nam, được trúng thưởng một sản phẩm nông nghiệp khác"; thúc đẩy quả vải sau chế biến (đóng lon, khô, vải đông lạnh) sau khi hết mùa vụ.

Hiện các nhà nhập khẩu và Chương trình Xúc tiến quả vải Việt Nam tại Australia đều đã sẵn sàng, nhưng kết quả xuất khẩu sẽ còn phụ thuộc phần lớn vào khâu vận chuyển. Thương vụ cho biết hai trong số các nhà nhập khẩu nông sản quen thuộc của Việt Nam là Công ty 4wayfresh của Australia và Công ty Rồng Đỏ sẽ tiếp tục đồng hành với cơ quan thương mại Việt Nam tại Australia trong mùa thu hoạch vải năm nay. Đây là những đơn vị có nhiều nỗ lực cải tiến khâu bảo quản và phối hợp với Thương vụ để thực hiện các biện pháp thúc đẩy tăng trưởng thị trường vải tại Australia.

ĐIỀU KIỆN ÁP DỤNG THUẾ SUẤT XUẤT NHẬP KHẨU ƯU ĐÃI THEO HIỆP ĐỊNH UKVFTA GIAI ĐOẠN 2021-2022



Ngày 21/5/2021, Chính phủ ban hành Nghị định 53/2021/NĐ-CP về Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len giai đoạn 2021-2022.

Nghị định số 53/2021/NĐ-CP của Chính phủ áp dụng cho các đối tượng là người nộp thuế theo quy định của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; các tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và cơ quan hải quan, công chức hải quan.

Theo Nghị định, hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam được áp dụng thuế suất thuế xuất khẩu ưu đãi quy định phải đáp ứng đủ các điều kiện sau: được nhập khẩu vào Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ireland; có chứng từ vận tải (bản sao) thể hiện đích đến là Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ireland; có tờ khai hải quan nhập khẩu của lô hàng xuất khẩu có xuất xứ Việt Nam nhập khẩu vào Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ireland (bản sao và bản dịch tiếng Anh hoặc tiếng Việt trong trường hợp ngôn ngữ sử dụng trên tờ khai không phải là tiếng Anh).

Hàng hóa nhập khẩu được áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt theo Hiệp định UKVFTA phải thuộc Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này; được nhập khẩu vào Việt Nam từ: Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ireland; Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (hàng hóa nhập khẩu từ khu phi thuế quan vào thị trường trong nước).

Bên cạnh đó, hàng hóa phải đáp ứng các quy định về xuất xứ hàng hóa và có chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo quy định của Hiệp định UKVFTA.

Về thủ tục áp dụng thuế suất thuế xuất khẩu ưu đãi theo Hiệp định UKVFTA, Nghị định số 53/2021/NĐ-CP quy định, tại thời điểm làm thủ tục hải quan, người khai hải quan thực hiện khai tờ khai xuất khẩu, áp dụng thuế suất thuế xuất khẩu, tính thuế và nộp thuế theo Biểu thuế xuất khẩu theo Danh mục mặt hàng chịu thuế tại Nghị định số 57/2020/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Nghị định số 53/2021/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 21/5/2021. Tuy nhiên, đối với các tờ khai hải quan của các mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu đăng ký từ ngày 01/01/2021 đến trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, nếu đáp ứng đủ các quy định để được hưởng thuế suất thuế xuất khẩu ưu đãi, thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam tại Nghị định này và đã nộp thuế theo mức thuế cao hơn thì được cơ quan hải quan xử lý tiền thuế nộp thừa theo quy định của pháp luật về quản lý thu.

BỘ CÔNG THƯƠNG KHUYẾN CÁO CÁC DOANH NGHIỆP KINH DOANH VỚI THỊ TRƯỜNG ẤN ĐỘ TRONG BỐI CẢNH DỊCH COVID-19



Tình hình dịch Covid-19 tại Ấn Độ vẫn đang có những diễn biến hết sức phức tạp, với số ca nhiễm mới và số ca tử vong trong ngày liên tục tăng cao. Việc nhiều bang và vùng lãnh thổ liên bang ở Ấn Độ phải tiến hành các biện pháp phong tỏa/giãn cách xã hội nhằm ngăn chặn sự lây lan của dịch Covid-19 đã, đang và sẽ gây ảnh hưởng đến hoạt động thông quan hàng hóa tại các cảng biển và hoạt động của các ngân hàng, tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp Ấn Độ.

Công suất hoạt động tại các cảng lớn như Mundra, Nhava Seva, Chennai, Kolkata đã giảm xuống một nửa do thiếu nhân công. Tình trạng này khiến cho các hãng tàu không muốn chờ hàng đi Ấn Độ với lo ngại không có hàng quay đầu hoặc phải lưu công-ten-nơ tại cảng, chịu phí lưu kho, lưu bãi. Nhiều ngân hàng chỉ làm việc từ 2 – 3 ngày trong tuần với 30 hoặc 50% nhân viên. Thời gian làm việc giới hạn từ 11h00 – 14h00. Những ngân hàng có nhân viên bị nhiễm Covid-19 bị buộc phải đóng cửa từ 1 – 2 tuần. Do đó, việc thực hiện các giao dịch trực tiếp tại ngân hàng hay dịch vụ ngân hàng trực tuyến rất hạn chế.

Trước tình hình trên, Bộ Công Thương khuyến cáo các doanh nghiệp như sau:

- Với các đối tác truyền thống, thường xuyên liên lạc thăm hỏi, động viên để duy trì quan hệ đối tác và nắm thông tin về tình hình dịch cũng như các biện pháp phòng dịch của Chính quyền Ấn Độ.

- Trước khi ký kết hợp đồng thương mại, cần tìm hiểu các quy định, biện pháp chính sách mà địa phương áp dụng trong bối cảnh dịch bệnh; lựa chọn giao dịch với các doanh nghiệp lớn, uy tín.

- Trong đàm phán, ký kết hợp đồng thương mại, lường trước những khó khăn có thể xảy ra trong bối cảnh dịch đang ảnh hưởng mạnh đến hoạt động thông quan và hoạt động ngân hàng tại Ấn Độ; thỏa thuận chặt chẽ các điều khoản về giao hàng, thanh toán, giải quyết tranh chấp khi phát sinh, các trường hợp bất khả kháng. Mua bảo hiểm với tất cả các lô hàng.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, cần thường xuyên liên lạc để trao đổi và được cập nhật về tình hình COVID-19 và các biện pháp của chính quyền địa phương; kiểm tra tình trạng giao nhận hàng hóa, tiến trình thông quan hàng hóa tại cảng và hoạt động của các ngân hàng.

Trong trường hợp doanh nghiệp cần hỗ trợ, đề nghị liên hệ với Bộ Công Thương (Vụ Thị trường châu Á – châu Phi) qua SĐT: 024.2220.5479,

E-mail: hieudc@moit.gov.vn; hoặc Thương vụ Việt Nam tại Ấn Độ qua

E-mail: in@moit.gov.vn.

BỘ CÔNG THƯƠNG KHUYẾN CÁO XUẤT KHẨU LỢN SANG CAMPUCHIA THEO ĐƯỜNG CHÍNH NGẠCH

Ngày 19/5/2021, Bộ Nông Lâm Ngư Nghiệp Campuchia có văn bản gửi Chính quyền các tỉnh biên giới của Campuchia, trong đó nhận định dịch tả lợn châu Phi (AFS) hiện đang bùng phát tại các nước châu Á.

Để ngăn chặn dịch AFS lây lan từ các nơi vào Campuchia, Bộ Nông Lâm Ngư Nghiệp Campuchia đã đề nghị chính quyền các tỉnh biên giới của Campuchia ngăn chặn việc nhập khẩu trái phép lợn sống, thịt lợn và các sản phẩm từ thịt lợn vào Campuchia.

Trước tình hình trên, dự báo trong thời gian tới, phía Campuchia sẽ tăng cường kiểm tra, kiểm soát hoạt động nhập khẩu tiểu ngạch đối với lợn sống, thịt lợn và các sản phẩm từ thịt lợn trên tuyến biên giới giữa Việt Nam và Campuchia. Cùng với đó, cơ quan chức năng Campuchia sẽ siết chặt công tác kiểm dịch đối với thịt lợn, sản phẩm thịt lợn nhập khẩu qua các cửa khẩu biên giới đường bộ với Việt Nam.

Bộ Công Thương khuyến cáo các doanh nghiệp, thương nhân xuất khẩu lợn sống, thịt lợn và các sản phẩm từ thịt lợn (nếu có) trên tuyến biên giới với Campuchia cần lưu ý xuất khẩu theo đường chính ngạch, đảm bảo yêu cầu về vệ sinh an toàn thực phẩm và chuẩn bị đầy đủ giấy phép kiểm dịch động vật.

Nhu cầu tiêu thụ thịt lợn của Campuchia vào khoảng 7.000 - 8.000 con/ngày (1 con 60 kg). Trong khi đó, nguồn cung trong nước có thể đáp ứng 6.000 con/ngày, cần nhập khẩu khoảng hơn 1.000 con/ngày.

Để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, tư thương Campuchia nhập khẩu lợn sống chủ yếu từ các nước láng giềng như Việt Nam và Thái Lan theo hình thức tiểu ngạch nhằm tiết kiệm thời gian, chi phí, và tránh phải xin các giấy chứng nhận kiểm dịch theo yêu cầu của cơ quan chức năng hai nước.

MỸ KHỞI XƯƠNG ĐIỀU TRA CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ MẬT ONG VIỆT NAM

Bộ Thương mại Mỹ (DOC) đã có thông báo chính thức khởi xương điều tra chống bán phá giá (CBPG) đối với sản phẩm mật ong có xuất xứ từ một số nước, trong đó có Việt Nam.

Theo Cục Phòng vệ thương mại – Bộ Công Thương, nguyên đơn là Hiệp hội Các nhà sản xuất mật ong Mỹ và Hiệp hội Mật ong Sioux. Hàng hóa bị điều tra là mật ong thô được phân loại theo mã của Mỹ là 0409.00.0005, 0409.00.0035, 0409.00.0045, 0409.00.0056 và 0409.00.0065.

Thời kỳ thu thập số liệu bán phá giá (POI), từ ngày 1/10/2020 đến ngày 31/3/2021. Biên độ bán phá giá do DOC ước tính với các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam: Trong khoảng 47,56% - 138,23%. Dự kiến, thời gian điều tra là 12 tháng (có thể gia hạn thêm 6 tháng theo quy định của Mỹ).

Theo Cục Phòng vệ thương mại, DOC đã ban hành Bản câu hỏi về lượng và giá trị (Q&V) xuất khẩu để xem xét lựa chọn bị đơn bắt buộc. Thời hạn nộp Bản câu hỏi Q&V đến 17 giờ ngày 27/5/2021 (theo giờ Mỹ). DOC sẽ đưa ra thông báo lựa chọn bị

đơn bắt buộc vào ngày 31/5/2021. Trên cơ sở lựa chọn bị đơn bắt buộc, DOC sẽ ban hành bản câu hỏi đầy đủ cho các doanh nghiệp và thời hạn trả lời là 30 ngày.

Để đảm bảo quyền lợi chính đáng của doanh nghiệp, Cục Phòng vệ thương mại khuyến nghị các hiệp hội và doanh nghiệp sản xuất/xuất khẩu sản phẩm liên quan: Hợp tác với DOC trả lời Bản câu hỏi Q&V. Các doanh nghiệp đã trả lời bản câu hỏi Q&V này nhưng không được lựa chọn làm bị đơn bắt buộc có thể nộp đơn xin hưởng thuế suất riêng rẽ (separate rate). Trong các vụ việc trước đây DOC điều tra, nếu doanh nghiệp không trả lời bản câu hỏi Q&V thì không được DOC xem xét hưởng thuế suất riêng rẽ.

Ngoài ra, cần các đơn vị đọc kỹ hướng dẫn của DOC để trả lời và nộp Bản trả lời câu hỏi theo đúng định dạng và thời hạn quy định. Việc chậm nộp so với thời hạn quy định hầu như không được DOC chấp nhận trong mọi trường hợp; Thường xuyên phối hợp, cung cấp thông tin cho Cục Phòng vệ thương mại để nhận được sự hỗ trợ kịp thời.

THỊ TRƯỜNG NÔNG SẢN THẾ GIỚI

GIÁ MỘT SỐ LOẠI NÔNG SẢN HẠ NHIỆT TRONG THÁNG 5/2021



Nhu cầu hàng hóa toàn cầu vẫn đang mạnh lên bởi các chương trình tiêm chủng vắc xin phòng ngừa Covid-19 được đẩy nhanh tạo tâm lý lạc quan cho các nhà giao dịch.

Tuy nhiên, giá một số mặt hàng nông sản có sự điều chỉnh giảm trong tháng 5/2021 do sản lượng có triển vọng khả quan. Tính đến ngày 26/5/2021, giá một số mặt hàng nông sản giảm nhẹ so với cuối tháng 4/2021 do khu vực Trung Tây nước Mỹ đã có mưa, làm giảm nỗi lo về sự ảnh hưởng bởi khô hạn.

Cụ thể, giá ngô Mỹ kỳ hạn tháng 7 trên sàn Chicago giảm 1,2% so với cuối tháng 4/2021 xuống còn 625 US cent/bushel; đậu tương giao cùng kỳ hạn cũng ổn định ở mức 1.517 US cent/bushel.

Lúa mì cũng giảm xuống mức thấp nhất trong vòng hơn 1 tháng do triển vọng sản lượng vụ Đông sẽ bội thu và sự cạnh tranh trên thị trường xuất khẩu lúa mì gia tăng. Giá lúa mì trên sàn Chicago giảm 8% so với cuối tháng 4/2021, xuống 655,3 US cent/bushel.

Giá gạo của các nhà cung cấp lớn cũng giảm trong tháng 5/2021. Tại Ấn Độ, giá gạo đồ 5% tấm của nước này đã giảm 5 USD/tấn so với cuối tháng 4/2021, xuống còn 385 USD/tấn tại thời điểm ngày 26/5/2021. Gần đây, giá xuất khẩu

gạo của Ấn Độ gặp áp lực giảm do Chính phủ xả kho dự trữ công để giúp người nghèo vượt qua cuộc khủng hoảng do đại dịch Covid-19.

Trong khi đó, nhu cầu yếu đã đẩy giá gạo trắng 5% tấm của Thái Lan xuống mức thấp nhất kể từ tháng 11/2020, đạt 454 – 475 USD/tấn, giảm 25 USD/tấn so với cuối tháng 4/2021. Trong 3 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu gạo Thái Lan đạt 1,13 triệu tấn, giảm 23% so với cùng kỳ năm 2020, với giá trị khoảng 695 triệu USD, theo dữ liệu của cơ quan hải quan Thái Lan.

Trong khi đó, giá đường tăng nhẹ 1% trong tháng 5/2021 lên mức 17 US cent/lb do các nhà đầu cơ bán thanh lý hợp đồng.

Cùng với đường, giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 7 trong phiên giao dịch ngày 26/5/2021 đã tăng 8,7% so với cuối tháng 4/2021, đạt 150,5 US cent/lb, thậm chí có thời điểm giá đạt mức cao nhất 4 năm là 153,65 US cent/bushel. Hạn hán nghiêm trọng diễn ra ở Brazil có thể ảnh hưởng không nhỏ đến sản lượng cà phê vụ này.

Giá cà phê Robusta giao cùng kỳ hạn cũng tăng 9,2% so với cuối tháng 4/2021, lên mức 1.512 USD/tấn.

Giá cao su trên thị trường Nhật Bản cũng tăng 2% trong phiên giao dịch ngày 26/5/2021 so với cuối tháng trước do Nhật Bản đang tích cực tiêm chủng vắc-xin ngừa Covid-19 – điều có thể giúp nước này sớm nới lỏng các biện pháp do dịch Covid-19.

Kết thúc phiên giao dịch ngày 26/5/2021, giá cao su kỳ hạn tháng 10 trên sàn Osaka tăng 2% so với cuối tháng trước lên 170 JPY/kg. Nhật Bản đã mở hàng loạt cơ sở tiêm chủng kể từ hôm qua 24/5 với nỗ lực tiêm chủng cho hầu hết người già ở nước này trước khi bắt đầu Thế vận hội Tokyo.

Tham khảo giá một số nông sản thế giới đến ngày 26/5/2021

Hàng hóa	ĐVT	Ngày 26/5/2021	So với ngày 24/4/2021 (%)	So với cuối năm 2020 (%)	So với cùng kỳ năm 2020 (%)
Ngô CBOT	US cent/bushel	625,0	-1,2	37,6	95,8
Lúa mì CBOT	US cent/bushel	655,3	-8,0	4,2	37,7
Lúa mạch	US cent/bushel	361,5	-10,4	6,9	25,4
Đậu tương	US cent/bushel	1.516,5	0,0	19,4	76,1
Khô đậu tương	USD/tấn	386,4	-9,3	-7,7	33,0
Dầu đậu tương	US cent/bushel	67,1	14,2	63,8	139,0
Hạt cải	CAD/tấn	697,3	0,7	11,0	48,8
Ca cao	USD/tấn	2.427,0	-0,9	-6,4	6,6
Đường thô	US cent/lb	17,0	0,9	14,4	46,6
Nước cam	US cent/lb	116,5	0,5	-4,3	-7,8
Cà phê Robusta	USD/tấn	1.512,0	9,2	10,4	34,0
Cà phê Arabica	US cent/lb	150,5	8,7	19,5	55,7
Gỗ xẻ	USD/1000 board feet	1.397,0	12,8	78,2	229,4
Gạo đỏ 5% tấm Ấn Độ	USD/tấn	385,0	-1,3	-0,5	1,9
Gạo trắng 5% tấm Thái Lan	USD/tấn	475,0	-5,0	-8,7	-8,7
Cao su Toccom	JPY/kg	170,7	2,0	11,6	10,3

Nguồn: Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại tổng hợp

NHẬP KHẨU NÔNG, LÂM, THỦY SẢN VÀO THỤY SỸ SẼ TĂNG NHỜ TĂNG CHI TIÊU TIÊU DÙNG

Nằm ở trung tâm của châu Âu, Thụy Sĩ là một trong những nền kinh tế thị trường tự do tiên tiến nhất thế giới. Với GDP bình quân đầu người cao, khoảng 81.000 USD, quốc gia này cố gắng tự cung cấp về lĩnh vực nông sản thông qua hàng loạt các chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp như: Trợ cấp hơn 70% nông nghiệp của mình so với 35% của EU và Chính phủ Thụy Sĩ đã thực hiện nhiều cải cách với các chính sách và trợ cấp sâu rộng nhằm thúc đẩy sản xuất nông nghiệp trong nước với chất lượng cao, thực phẩm tốt cho sức khỏe. Tuy vậy, hàng năm, Thụy Sĩ vẫn phải nhập khẩu một lượng lớn các mặt hàng nông, lâm, thủy sản như ngũ cốc, trái cây và hàng thủy sản.

Đối với ngũ cốc - Nhập khẩu bao gồm một lượng lớn các loại lương thực chính như gạo và lúa mì. Nhập khẩu đặc biệt quan trọng trong những năm thu hoạch ngũ cốc hoặc khoai tây kém.

Trái cây - Nhập khẩu cũng đã tăng 8%, đạt giá trị 1,26 tỷ USD vào năm 2019. Trái cây như dưa, cam, táo được tìm kiếm nhiều nhất. Nhà cung cấp hàng đầu là Tây Ban Nha, tiếp theo là Italia và Thái Lan.

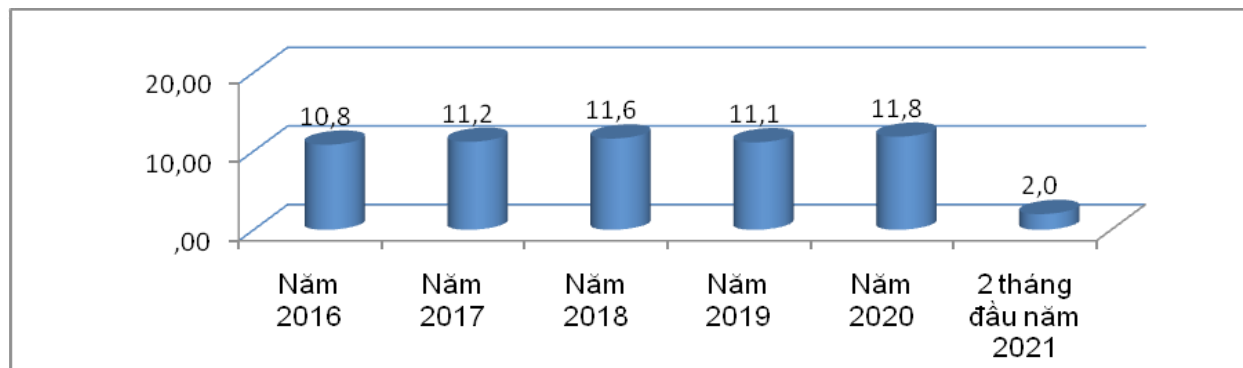
Cá và động vật giáp xác: Thụy Sĩ không thể không tự cung cấp do là một quốc gia được bao quanh bởi đất liền. Nhu cầu đối với mặt hàng này cũng cao. Các nhà cung cấp hàng đầu là: Thái Lan, Việt Nam, Bỉ và Mỹ.



Theo dữ liệu từ Trung tâm Thương mại Quốc tế, nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản vào Thụy Sĩ đạt trên 10 tỷ USD mỗi năm trong giai đoạn 2016-2020. Hai

tháng đầu năm 2021, nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản vào Thụy Sĩ đạt trên 2 tỷ USD, tăng 9,3% so với cùng kỳ năm 2020.

Trị giá nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản vào Thụy Sĩ giai đoạn 2016-2020 và 2 tháng đầu năm 2021 (Đvt: tỷ USD)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Trung tâm Thương mại Quốc tế

Trong 2 tháng đầu năm 2021, Thụy Sĩ nhập khẩu nhiều nhất nguyên liệu gỗ và đồ nội thất bằng gỗ, chiếm 27,3% tổng trị giá nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản, tiếp đến là nhóm hàng quả và quả hạch, chiếm 11,1%.

nông, lâm, thủy sản vào Thụy Sĩ tăng trong 2 tháng đầu năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020, trừ một số mặt hàng như hạt điều giảm 29,7%; thịt và phụ phẩm dạng thịt giảm 13,5%; các sản phẩm xay xát, malt, tinh bột, inulin, gluten lúa mì giảm 5,5%...

Nhập khẩu hầu hết các mặt hàng

Mặt hàng nông, lâm, thủy sản nhập khẩu vào Thụy Sĩ 2 tháng đầu năm 2021

Mặt hàng	Thụy Sĩ nhập khẩu từ thế giới (nghìn USD)		So sánh (%)	Tỷ trọng hàng Việt Nam tại Thụy Sĩ (%)	
	2 tháng đầu năm 2021	2 tháng đầu năm 2020		2 tháng đầu năm 2021	2 tháng đầu năm 2020
Tổng	2.002.269	1.831.575	9,32	1,21	1,23
Gỗ và các mặt hàng bằng gỗ	319.021	297.284	7,31	0,23	0,17
Đồ nội thất bằng gỗ	226.705	207.678	9,16	2,23	1,96
Đồ nội thất khác	108.673	99.290	9,45	2,71	2,62
Phòng ngủ	50.681	48.863	3,72	4,05	2,98
Phòng ăn	52.506	46.196	13,66	0,01	0,004
Văn phòng	14.845	13.329	11,37	0,40	0,17
Quả và quả hạch ăn được, vỏ quả thuộc họ cam quýt hoặc các loại dưa	222.384	207.030	7,42	1,21	1,25
Hạt điều	3.477	4.948	-29,73	55,28	40,48
Rau và một số loại củ, thân củ và rễ ăn được	174.443	148.982	17,09	0,23	0,26
Cà phê, chè và các loại gia vị	173.297	146.398	18,37	2,77	4,35
Cà phê	153.423	126.492	21,29	2,92	4,83
Chè	6.070	5.709	6,32		
Hạt tiêu	1.010	910	10,99	26,24	11,76
Ca cao và các chế phẩm từ ca cao	108.422	103.000	5,26	0,08	0,07

Mặt hàng	Thụy Sĩ nhập khẩu từ thế giới (nghìn USD)		So sánh (%)	Tỷ trọng hàng Việt Nam tại Thụy Sĩ (%)	
	2 tháng đầu năm 2021	2 tháng đầu năm 2020		2 tháng đầu năm 2021	2 tháng đầu năm 2020
Cây sống và các loại cây trồng khác; củ, rễ và loại tương tự; cành hoa và cành lá trang trí	105.550	92.414	14,21	0,002	
Các chế phẩm từ rau, quả, quả hạch hoặc các sản phẩm khác của cây	100.258	91.364	9,73	0,37	0,46
Cá và động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác	89.386	88.783	0,68	7,70	5,71
Thịt và phụ phẩm dạng thịt ăn được sau giết mổ	84.834	98.035	-13,47	0,01	0,01
Hạt dầu và quả có dầu, các loại ngũ cốc, hạt và quả khác...	68.537	60.517	13,25	0,03	0,08
Các chế phẩm từ thịt, cá hay động vật giáp xác, động vật thân mềm hoặc động vật thủy sinh không xương sống khác	68.096	53.776	26,63	4,40	5,43
Thủy sản chế biến	41.922	32.187	30,25	7,15	9,08
Ngũ cốc	53.784	52.617	2,22		
<i>Gạo</i>	14.579	14.345	1,63	0,01	
Động vật sống động	22.166	19.235	15,24		
Cao su và các sản phẩm bằng cao su	19.089	18.182	4,99	0,75	0,49
Các sản phẩm xay xát, malt, tinh bột, inulin, gluten lúa mì	14.852	15.718	-5,51		0,02
Sản phẩm gốc động vật, chưa được chi tiết hoặc ghi ở các nơi khác	14.593	13.331	9,47	0,01	
Nhựa cánh kiến đỏ, gôm, nhựa cây, các chất nhựa và các chất chiết xuất từ thực vật khác	14.132	15.111	-6,48		
Các chế phẩm ăn được khác	8.187	5.956	37,46	0,09	0,05
Vật liệu thực vật dùng để tết bện, các sản phẩm thực vật chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác	819	747	9,64	0,24	0,13

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Trung tâm Thương mại Quốc tế

Việc Thụy Sĩ tăng nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản sẽ tạo cơ hội cho các quốc gia có thế mạnh về sản xuất nông nghiệp đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường này, trong đó có Việt Nam.

Hiện một số mặt hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam chiếm tỷ trọng lớn tại Thụy Sĩ như hạt điều, hạt tiêu, cá và động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác... Trong đó, Thụy Sĩ nhập khẩu nhiều nhất cá và động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác từ Việt Nam, chiếm 28,4% tổng trị giá nhập khẩu hàng nông,

lâm, thủy sản từ Việt Nam và tỷ trọng nhập khẩu mặt hàng này từ Việt Nam trong tổng nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản của Thụy Sĩ cũng tăng trong 2 tháng đầu năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020, chiếm 7,7% so với 5,71%; hai mặt hàng hạt điều và hạt tiêu của Việt Nam cũng đang chiếm tỷ trọng lớn nhất tại Thụy Sĩ trong 2 tháng đầu năm 2021, chiếm lần lượt là 55,28% và 26,2%, tăng lần lượt 14,8 điểm phần trăm và 14,5 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2020.

Nền kinh tế Thụy Sĩ đang cho thấy sự tăng trưởng rất tích cực sau thời gian

khủng hoảng bởi đại dịch Covid-19. Theo Theo Viện Kinh tế Thụy Sĩ (KOF), dự kiến GDP của Thụy Sĩ sẽ tăng 3,7% vào năm 2021 và 2,5% vào năm 2022, đều cao hơn mức trung bình dài hạn là khoảng 1,7%. Nhận định trên dựa trên cơ sở mức độ tăng chi tiêu tiêu dùng từ khoản tiết kiệm của người dân Thụy Sĩ.

Theo KOF, tỷ lệ tiết kiệm của những người giàu có ở Thụy Sĩ - số thu nhập khả dụng trung bình không chi tiêu - đã tăng gần 50% vào năm 2020 lên 19,9% từ mức 13,8% của năm 2019, do các hạn chế nhằm kiểm chế đại dịch cắt giảm tiêu dùng. Các hộ gia đình đã tiết kiệm được 89 tỷ franc

Thụy Sĩ (97,27 tỷ USD), một bước nhảy vọt so với 60 tỷ franc của năm 2019.

Thụy Sĩ theo truyền thống tiết kiệm nhiều hơn các quốc gia khác vì thu nhập cao để lại nhiều tiền mặt hơn sau khi chi trả cho các nhu cầu thiết yếu. Theo KOF, hầu hết tác động của việc chi tiêu thêm dự kiến sẽ đến trong quý II và quý III năm nay.

Như vậy, chi tiêu cho tiêu dùng tăng lên kéo theo đó sẽ tăng chi tiêu đối với hàng nông, lâm, thủy sản của người dân Thụy Sĩ, đây là cơ hội tốt để Việt Nam đẩy mạnh xuất khẩu hàng nông, lâm, thủy sản vào Thụy Sĩ thời gian tới.

TIN VĂN

► Ngày 15/5/2021, Tổng thống Philippin ký Sắc lệnh (EO) số 135 công bố Philippin tạm thời điều chỉnh giảm thuế MFN đối với gạo nhập khẩu xuống mức 35% (bằng mức hiện tại dành cho gạo nhập khẩu từ các nước ASEAN) từ mức 40% (trong hạn ngạch) và 50% (ngoài hạn ngạch) và thời hạn có hiệu lực của Sắc lệnh EO 135 là trong vòng một năm tính từ 15 ngày kể từ ngày đăng trên công báo (17/5/2021). Việc ban hành Sắc lệnh này của Philippin với lý do "giá gạo thế giới tăng" và do hạn chế "những bất ổn về nguồn cung gạo của Philippin". Như vậy, với EO135, Philippin mở rộng quy mô nhập gạo bằng cách xóa bỏ sự chênh lệch về mức thuế giữa nhập khẩu từ ASEAN, ngoài ASEAN và MFN phần còn lại với mục tiêu tăng nhập khẩu từ Ấn Độ và Pakistan.

► Theo Hiệp hội sản Việt Nam, nguồn sản lát thu mua nhập kho vụ 2020-2021 của Việt Nam ở mức thấp. Tồn kho sản lát của Việt Nam hiện tại ước tính khoảng 500.000 tấn. Hàng tồn kho nhiều hơn kế hoạch hàng năm, trong khi tình hình dịch COVID-19 tại Việt Nam và trên thế giới vẫn đang diễn biến phức tạp, gây sức ép đối với các nhà máy có tiềm lực tài chính trung bình. Hiện nay, hầu hết các nhà máy chế biến sản tại Việt Nam đã

ngừng chạy máy để bảo dưỡng máy móc thiết bị, chỉ còn một số ít nhà máy khu vực Tây Nguyên và Tây Ninh chạy sản cuối vụ 2020-2021.

► Cơ quan Hậu cần Quốc gia Indonesia (Bulog) thông báo sẽ không nhập khẩu gạo trong năm 2021 do dự trữ gạo chính phủ (CBP) tại kho của Bulog đủ để cung cấp cho thị trường và bình ổn giá gạo nội địa, vận hành thị trường, phản ứng trước các tình huống thiên tai khẩn cấp và giãn cách xã hội. Tính tới ngày 17/5, tồn kho gạo trong các kho của Bulog đạt gần 1,4 triệu tấn, bao gồm 1,378 triệu tấn thuộc kho CBP và 17.329 tấn gạo thương phẩm. Bulog có thể sẽ tiếp tục thu mua gạo cho tới tháng 6 do nông dân nước này vẫn chưa thu hoạch xong.

► Trong tháng 4/2021, xuất khẩu cà phê của Braxin đạt 3,3 triệu bao, giảm 13% so với tháng 3/2021. Tuy nhiên, trong 4 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu cà phê của nước này đạt 14,8 triệu bao, tăng 8,6% so với cùng kỳ năm 2020. Trong thời gian tới, vấn đề đáng lo ngại hơn cả đối với xuất khẩu cà phê của Braxin là tình trạng thiếu container. Cùng với dự báo sản lượng cà phê Braxin niên vụ 2021/22 giảm, tình hình này có thể tác động tiêu cực lên xuất khẩu cà phê Braxin trong nửa cuối năm 2021.